

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**



CALIVA

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá



Công ty Cổ phần Thẩm định giá CALIVA

Nhà số 6, ngõ 45, đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

THƯ NGỎ

Kính gửi: BAN LÃNH ĐẠO NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)

Thư này được viết với lòng trân trọng và mong muốn sâu sắc từ Công ty Cổ phần Thẩm định Giá Caliva, một thành viên của Caligroup, để bày tỏ sự cam kết và mong muốn được hợp tác, gắn bó với Quý ngân hàng trong lĩnh vực thẩm định giá.

Sau 05 năm hoạt động, Caliva tự tin với năng lực chuyên môn vững chắc, cam kết đủ điều kiện trở thành đối tác thẩm định giá tin cậy của BIDV. Chúng tôi hiện đã xây dựng được hoàn chỉnh quy trình thẩm định giá chuyên nghiệp, toàn diện cho mọi loại tài sản, bao gồm cả phần mềm, các tài sản vô hình cũng như giá trị doanh nghiệp.

Về địa bàn hoạt động, với sự tin tưởng mà Caliva nhận được từ nhiều đơn vị sự nghiệp nhà nước, các ban quản lý dự án địa phương, các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề, và đặc biệt là sự lựa chọn vào danh sách ưu tiên của Ngân hàng Agribank (năm 2022) đã thôi thúc chúng tôi mở rộng mạng lưới Chi nhánh và Văn phòng đại diện phủ nhiều địa phương, bao gồm cả thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc, Malaysia, Singapore và Lào. Sự tăng trưởng doanh thu ổn định qua từng năm là minh chứng cho cam kết đồng hành cùng phát triển với các đối tác.

Về nhân sự chuyên môn, chúng tôi tự hào sở hữu đội ngũ đông đảo gồm 09 thẩm định viên có kinh nghiệm lâu năm, từng công tác tại các đơn vị thẩm định giá được BIDV chấp thuận. Điều này đảm bảo sự am hiểu sâu sắc về quy trình và tiêu chuẩn thẩm định giá của BIDV. Ngoài ra, Caligroup với kinh nghiệm hợp tác lâu năm của Hãng kiểm toán Calico và Công ty luật TNHH Siglaw với nhiều chi nhánh BIDV cũng là một nền tảng chứng minh khả năng đáp ứng mọi yêu cầu chuyên môn tư vấn cao nhất, mang lại chuỗi giá trị đồng bộ trong quá trình tư vấn.

Với niềm tin vào sự hợp tác chặt chẽ và lâu dài, chúng tôi kính đề xuất BIDV xem xét và chấp thuận Caliva là đối tác ưu tiên trong lĩnh vực thẩm định giá cho năm 2025 và những năm tiếp theo.

Chúng tôi tin tưởng rằng mối quan hệ đối tác này sẽ mở ra những cơ hội mới và tạo nên những giá trị bền vững cho cả hai bên. Xin chân thành cảm ơn và rất mong được hợp tác cùng BIDV.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA



GIÁM ĐỐC

Đông Ngọc Ánh

MỤC LỤC

| | | |
|-----|---|----|
| I | Hồ sơ, thông tin về Công ty | 4 |
| II | Hồ sơ, thông tin về Người đại diện pháp luật; Giám Đốc/Tổng Giám đốc; Người có thẩm quyền/được ủy quyền ký kết Hợp đồng dịch vụ/Chứng thư thẩm định giá tại Công ty | 19 |
| III | Hồ sơ, thông tin về Thẩm định viên về giá tại Công ty | 20 |
| IV | Hồ sơ, thông tin về Cơ sở dữ liệu về giá | 21 |
| V | Hồ sơ, thông tin về quy trình thẩm định giá và yêu cầu về Chứng thư thẩm định giá tài sản | 22 |
| VI | Hồ sơ, thông tin về thời gian và mức phí thẩm định giá tài sản | 26 |



Phần 1

Hồ sơ, thông tin về Công ty

I. Thông tin, hồ sơ về năng lực pháp lý

1. Bản giới thiệu tóm tắt về Công ty

1.1 Giới thiệu chung

Công ty Cổ phần Thẩm định giá CALIVA được sáng lập bởi các Thẩm định viên, Chuyên gia tư vấn tài chính trên cơ sở từ đội ngũ cán bộ được tốt nghiệp tại các trường đại học có uy tín, có tay nghề cao và có nhiều năm kinh nghiệm thực hiện chuyên ngành thẩm định giá, định giá.

CALIVA là một trong những thành viên thuộc CALI-GROUP. CALI-GROUP hoạt động trong các lĩnh vực bao gồm: kiểm toán, truyền thông, luật, công nghệ tài chính, sản phẩm bất động sản... Trong đó, CALIVA hoạt động chính trong lĩnh vực tài chính, thẩm định giá với ngành nghề đăng ký kinh doanh là đánh giá rủi ro và thiệt hại; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, thẩm định giá, hoạt động tư vấn quản lý.

Tổng quan về CALIVA

Tên Công ty : CÔNG TY THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA
Tên tiếng Anh : CALIVA VALUATION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : CALIVA VALUATION
Trụ sở chính : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0106867385
Đại diện : Ông Đồng Ngọc Ánh Chức vụ : Giám Đốc
CCCD số : 036089018513 Cấp ngày: 11/03/2022 Tại: Cục Cảnh sát
Điện thoại : 0933 75 6666/ 0913 168 372

1.2 Thông tin về số tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty mở tại BIDV

Tên tài khoản : Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva
Số tài khoản : 8600 365 678
Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Nam Thái Nguyên



BM02-TC/TKH&DVTK

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chi nhánh Nam Thái Nguyên/

South Thai Nguyen Branch

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2024

THÔNG BÁO TÀI KHOẢN
ACCOUNT NOTIFICATION

Kính gửi (To): CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

(Sau đây gọi là khách hàng)

Căn cứ Giấy đề nghị mở tài khoản kèm hợp đồng đăng ký thông tin khách hàng và dịch vụ tài khoản của Quý khách hàng ngày 15 tháng 03 năm 2024, chúng tôi - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Thái Nguyên xin thông báo tới Quý khách hàng các thông tin về tài khoản của Quý khách hàng đã được mở tại Ngân hàng chúng tôi như sau:

(Pursuant to your Application for opening account dated 15/03/2024, we – Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, South Thai Nguyen Branch - hereby would like to advise your account's information opened with our bank detailed as follows)

Mã số khách hàng (CIF No.): 22971204



| Số tài khoản (Account No.) | Loại tiền (Currency) | Loại tài khoản (A/C type) | Tên tài khoản (A/C name) | Ngày mở (opening date) |
|-------------------------------|-------------------------|---|---|---------------------------|
| 8600365678 | VND | Tài gửi thanh toán (Current Account) | CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA | 15/03/2024 |

Trong mọi trường hợp, khi Quý khách hàng thay đổi bất kỳ những thông tin liên quan đến (các) tài khoản trên (thay đổi tên gọi, người đại diện, con dấu, địa chỉ...), xin vui lòng thông báo và gửi ngay cho chúng tôi những giấy tờ hợp lệ, chứng minh sự thay đổi đó.

(In any case of having request to amend information related to the above mentioned account(s) (changing of account name, representative person, stamp, address...), please kindly inform us and present your regular documents for amendment to our bank)

Xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và hợp tác của Quý khách hàng!

(Great thanks for your kind co-operation and trust in our bank)

| | |
|--|--|
| <p>GIAO DỊCH VIÊN/TELLER (Ký và ghi rõ họ tên/ Sign & fill in full name)</p> <p></p> <p>Đặng Thu Uyên</p> | <p>ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH LÃNH ĐẠO PHÒNG (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/ Sign, stamp & fill in full name)</p> <p></p> <p>TRƯỞNG PHÒNG Nguyễn Thị Thanh Nga</p> |
|--|--|

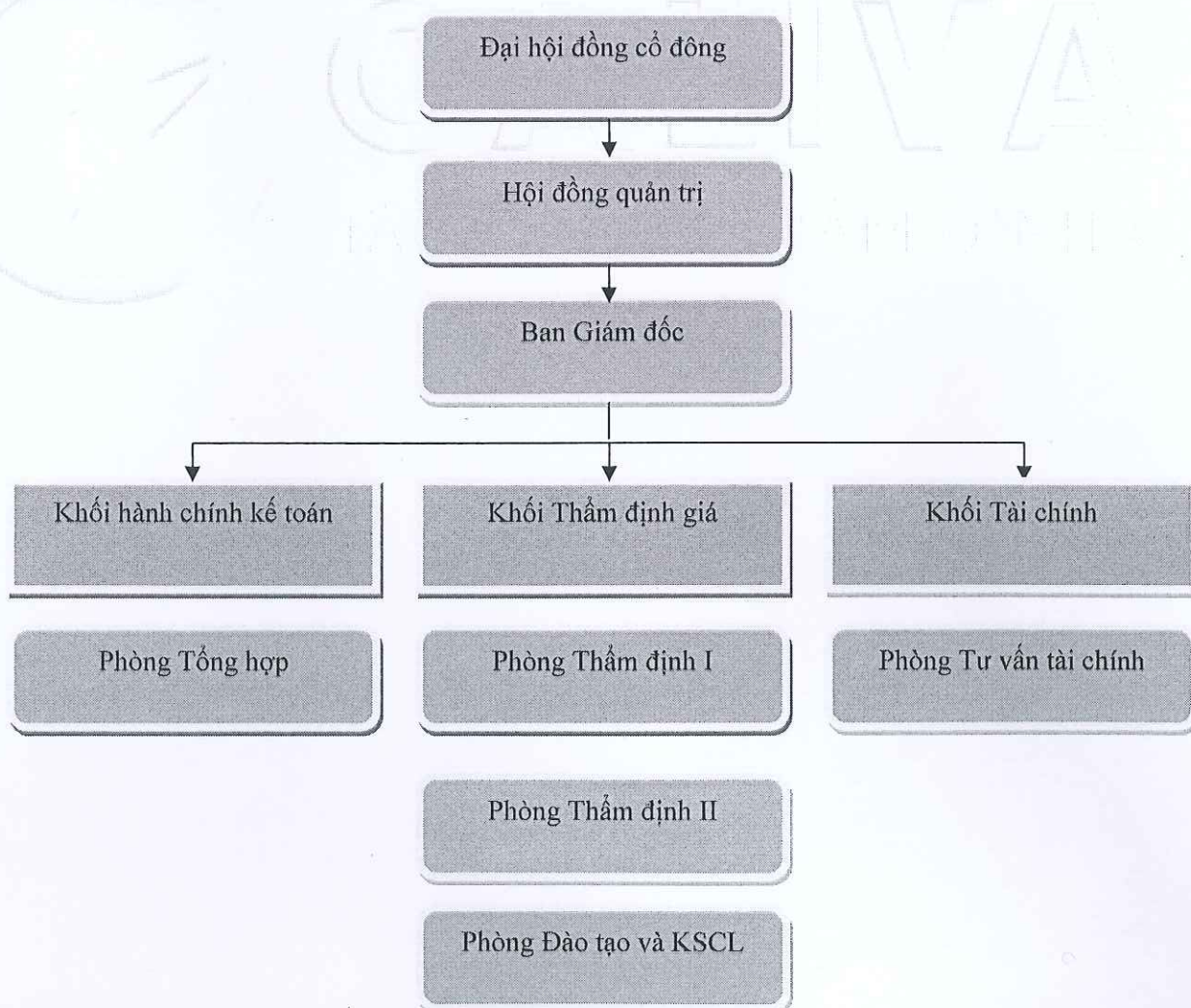
1.3 Phương châm và mục tiêu hoạt động

Với quan điểm vì lợi ích cao nhất của khách hàng, mục tiêu hoạt động của CALIVA là thực hiện các dịch vụ chuyên ngành thẩm định giá, tư vấn tài chính nhằm cung cấp các thông tin đáng tin cậy giúp khách hàng đưa ra các quyết định một cách có hiệu quả.

CALIVA ra đời với sứ mệnh cao cả là ước muốn phục vụ Quý khách hàng ngày càng tốt hơn, tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty luôn luôn theo đuổi phương châm “Giá trị từ chất lượng dịch vụ”. Chúng tôi luôn ý thức và tâm niệm rằng sự tín nhiệm của khách hàng chính là tiền đề cho sự phát triển của doanh nghiệp chúng tôi ở hiện tại và tương lai.

Mục tiêu hoạt động của CALIVA là **cung cấp các dịch vụ chuyên ngành tốt nhất, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cao nhất cho khách hàng** trong công tác thẩm định giá, quản lý tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn thế nữa với kinh nghiệm thực tiễn về chuyên ngành, gần gũi với khách hàng, tận tình và thông thạo nghiệp vụ, chúng tôi luôn nắm bắt nhanh, kịp thời các yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh, các khó khăn mà khách hàng có thể gặp phải và trợ giúp khách hàng giải quyết tốt các vấn đề đó mà ít có một tổ chức dịch vụ chuyên ngành nào có thể thực hiện được.

1.4 Cơ cấu tổ chức



1.5 Ban lãnh đạo, Thẩm định viên và chuyên gia

Chúng tôi hiểu rằng con người là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Công ty. Tại CALIVA, đào tạo chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên luôn được coi trọng. Công tác đào tạo, cập nhật kiến thức luôn được ưu tiên trong các chính sách phát triển của chúng tôi.

Chúng tôi có nhiều Thẩm định viên đã được cấp Thẻ Thẩm định viên về giá của Bộ Tài chính, hoặc đã hoàn thành học vị Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA) trong nước và quốc tế.

Ban Lãnh đạo của CALIVA là những chuyên gia với gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thẩm định giá, tư vấn tài chính và đang thực hiện việc cung cấp dịch vụ thẩm định giá và tư vấn chuyên ngành cho tất cả các loại tổ chức, doanh nghiệp.

| STT | Họ và Tên | Chức vụ | Học vị | Số thẻ TĐV |
|-----|----------------------|---|--------------|-------------|
| 1 | Ông Lê Minh Tâm | Chủ tịch HĐQT | Thạc sĩ Luật | |
| 2 | Ông Đồng Ngọc Ánh | Giám đốc TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Cử nhân | XIV19.2113 |
| 3 | Ông Nguyễn Minh Nam | TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Thạc sĩ | IX14.1159 |
| 4 | Bà Võ Thị Thu Hà | TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Thạc sĩ | XII17.1709 |
| 5 | Ông Lê Việt Dũng | TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Cử nhân | XIII18.1938 |
| 6 | Bà Lê Thị Ngà | TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Cử nhân | XIII18.2012 |
| 7 | Ông Nguyễn Mai Chung | TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Cử nhân | VIII13.729 |
| 8 | Ông Phan Văn Đồng | TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Cử nhân | XV23.2384 |
| 9 | Bà Hồ Thị Xuân Quỳnh | Giám đốc CN TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Cử nhân | XV23.2466 |
| 10 | Ông Tạ Quốc Huy | TĐV Tài sản & Doanh nghiệp | Thạc sĩ | IX14.1129 |
| 11 | Bà Lê Thị Dung | Luật sư | Tiến sĩ luật | |
| 12 | Ông Lê Xuân Phú | Trợ lý thẩm định | Cử nhân | |
| 13 | Ông Trần Ngọc Thiện | Trợ lý thẩm định | Cử nhân | |
| 14 | Ông Trương Lập Đức | Trợ lý thẩm định | Cử nhân | |

1.6 Tình hình hoạt động và các thành tựu đã đạt được

- Từ năm 2020: Xây dựng đội ngũ nhân sự gồm 09 thẩm định viên hoạt động ổn định, trong đó 06 người có đủ 02 thẻ hành nghề Thẩm định giá và Kiểm toán viên.
- Từ năm 2021: Tăng trưởng doanh thu và hiệu suất thẩm định bền vững, các tài sản thẩm định đa dạng cả về loại hình và giá trị tài sản.
- Từ năm 2022 trở thành đối tác của Agribank (Công văn 1444/NHNo-TD ngày 23/02/2022. Số thứ tự 77)
- Năm năm 2023 trở thành đối tác thường xuyên và ưu tiên của:
 - + Ban quản lý dự án, Tòa án, Cơ quan thi hành án tại Hà Nội và các tỉnh Hòa Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi,...
 - + Bộ Công an và Công an các tỉnh Hải Phòng, Lai Châu, Daklak, Đà Nẵng, Vĩnh Phúc, Vũng Tàu, Trà Vinh,...
 - + Sở tài chính, sở giáo dục, sở xây dựng, sở giao thông, sở nông nghiệp TP.Hà Nội và các tỉnh Lào Cai, Sơn La, Quảng Ninh, Thái Bình,...
- Từ năm 2024 trở thành đối tác chiến lược của 03 công ty thẩm định giá lớn nhất tại Lào. Đặc biệt trong việc trực tiếp thẩm định giá các tài sản quy mô lớn và phức tạp (thủy điện, đường giao thông, mỏ khoáng sản...).

2. Các cơ sở pháp lý hoạt động

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106967385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/06/2015, thay đổi lần 9 ngày 12/07/2023;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 368/TĐG do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 10/02/2020, cấp lại lần thứ 3 ngày 03/12/2024;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva tại Quảng Ngãi ngày 10/10/2022;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva tại Nghệ An ngày 27/10/2022;
- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva ngày 13/03/2023;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva tại Quảng Nam ngày 30/07/2023;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva – Chi nhánh Miền Trung ngày 16/05/2024.



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0106867385

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 06 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 12 tháng 07 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CALIVA VALUATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CALIVA VALUATION

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà số 6, Ngõ 45, đường Kim Ngọc, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963313693

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 200.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐỒNG NGỌC ÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036089018513

Ngày cấp: 11/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát về quản lý hành chính về
Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 4 thôn Lạc Chính, Xã Trục Khang, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P2714 tầng 27, tòa A1, Chung cư Ecolife Capitol, 58 Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Huy Tâm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Mã số: 368/TĐG

Cấp lần đầu, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Cấp lại lần thứ 3, ngày 03 tháng 12 năm 2024

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Xét hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva,

CHỨNG NHẬN:

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: CALIVA VALUATION JOINT STOCK COMPANY
- Tên doanh nghiệp viết tắt: CALIVA VALUATION
- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 6, ngõ 45, đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa chỉ giao dịch: Nhà số 6, ngõ 45, đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 0963313693 - 0913168372
- Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Đồng Ngọc Ánh

Chức vụ: Giám đốc

Căn cước công dân số: 036089018513, ngày cấp: 11/03/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Thẻ thẩm định viên về giá số: XIV19.2113 do Bộ Tài chính cấp ngày 16/12/2019

7. Các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva – Chi nhánh miền Trung

Trụ sở chi nhánh: số 44 Phan Đình Phùng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Địa chỉ giao dịch: số 44 Phan Đình Phùng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Số điện thoại: 0346142104 / 0902785645

Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên: Hồ Thị Xuân Quỳnh

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Căn cước công dân số: 051193001651, ngày cấp: 19/04/2021, nơi cấp: Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Thẻ thẩm định viên về giá số: XV23.2466 do Bộ Tài chính cấp ngày 18/07/2023

ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

theo quy định tại Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023, Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

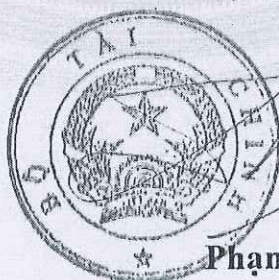
Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva; 01 bản lưu tại Bộ Tài chính./.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024

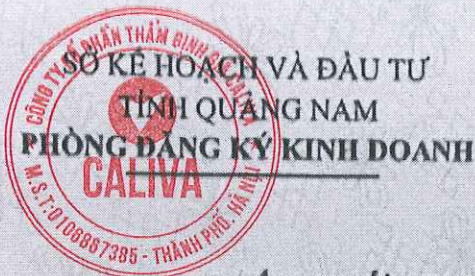
TL. BỘ TRƯỞNG

KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁ

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Phạm Văn Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Mã số văn phòng đại diện: 0106867385-003

Đăng ký lần đầu, ngày 30 tháng 07 năm 2023

1. Tên văn phòng đại diện:

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA TẠI QUẢNG NAM

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên văn phòng đại diện viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 257 Trần Nhân Tông, Phường Vĩnh Điện, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0903556785

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC HIỆP**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/03/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *049076011916*

Ngày cấp: *28/09/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 257 Trần Nhân Tông, Phường Vĩnh Điện, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

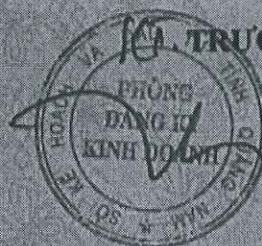
Địa chỉ liên lạc: *Số 257 Trần Nhân Tông, Phường Vĩnh Điện, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

Mã số doanh nghiệp: **0106867385**

Địa chỉ trụ sở chính: **Nhà số 6, Ngõ 45, đường Kim Ngọc, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**



TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Phan Xuân Thảo Nguyên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Mã số văn phòng đại diện: 0106867385-001

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 10 năm 2022

1. Tên văn phòng đại diện:

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA TẠI QUẢNG NGÃI

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên văn phòng đại diện viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số nhà 297/4C, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0346142104

Fax:

Email: thamdinggiaqng@gmail.com

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: HỒ THỊ XUÂN QUỲNH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 15/11/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051193001651

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hà Thành, Xã Sơn Thành, Huyện Sơn Hà, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 279/4C đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

Mã số doanh nghiệp: 0106867385

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 6, Ngõ 45, đường Kim Ngọc, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam





SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 13 tháng 03 năm 2023

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

LK 96, ngõ số 6, đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: LÊ MINH TÂM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001089013168

Ngày cấp: 09/01/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: P902 ĐNA Tòa 17 Tầng Phùng Khoang, TDPI, Phường Trung
Vân, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: LK 96, ngõ số 6, đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà
Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

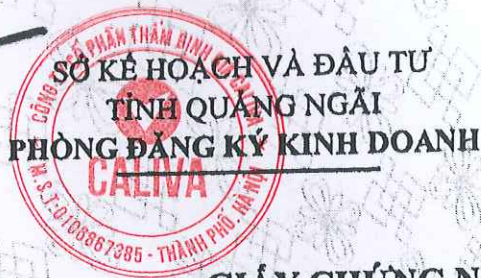
Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0106867385

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Nhà số 6, Ngõ 45, đường Kim Ngọc, Xã Tân Lập,
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Thanh Huyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 0106867385-004

Đăng ký lần đầu, ngày 16 tháng 05 năm 2024

1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÂM ĐỊNH GIÁ CALIVA - CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

44 Phan Đình Phùng, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0346142104/0902785645

Email: thamdinggiaqng@gmail.com

Fax:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: HỒ THỊ XUÂN QUỲNH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 15/11/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051193001651

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hà Thành, Xã Sơn Thành, Huyện Sơn Hà, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 44 Phan Đình Phùng, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THÂM ĐỊNH GIÁ CALIVA

Mã số doanh nghiệp: 0106867385

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 6, Ngõ 45, đường Kim Ngọc, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



PHÒNG

ĐĂNG KÝ

KINH DOANH

Ngô Anh

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

3. Thông tin liên hệ của Công ty**CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA (CALIVA)**

| T T | Địa bàn (Tỉnh/ Thành phố) | Hình thức (CN/ VPDD/ ĐĐKD) | Địa chỉ/thông tin liên hệ | Đầu mối liên hệ | | Số điện thoại | Email |
|--|---------------------------------------|--|--|-------------------------|------------------------------------|------------------|------------------------------|
| | | | | Họ tên | Chức đanh | | |
| I. Thông tin liên hệ Trụ sở chính Công ty | | | | | | | |
| 1 | Hà Nội | Trụ sở | Nhà số 6, ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội | Đồng Ngọc Ánh | Giám Đốc | 0913168372 | ngocanh.aof @gmail.com |
| II. Thông tin liên hệ các Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh | | | | | | | |
| 2 | Quảng Ngãi | Chi nhánh | 44 Phan Đình Phùng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi | Hồ Thị Xuân Quỳnh | Giám Đốc CN | 0346142104 | xuanquynh2793 @gmail.com |
| 3 | Quảng Ngãi | VPDD | Số nhà 297/4c đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi | Hồ Thị Xuân Quỳnh | Trưởng văn phòng đại diện | 0346142104 | xuanquynh2793 @gmail.com |
| 4 | Quảng Nam | VPDD | Số 257 Trần Nhân Tông, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | Nguyễn Trọng Hiển | Trưởng văn phòng đại diện | 0914209539 | tronghienkt246 @gmail.com |
| 5 | Nghệ An | VPDD | Số nhà 5 ngõ 86 đường Hà Huy Tập, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An | Nguyễn Phi Long | Trưởng văn phòng đại diện | 0973277366 | thamdinhgiaqng @gmail.com |
| 6 | Hà Nội | ĐĐKD | LK96 KĐT Bắc Hà, đường Nguyễn Văn Lộc, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Lê Minh Tâm | Người đứng đầu | 0933756666 | leminhtam.hvtc @gmail.com |

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

4. Cam kết của Công ty đối với BIDV

- Cam kết số 250303.01/CV-CALIVA ngày 03/03/2025 về việc các cam kết liên quan việc cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản.



CALIVA

ĐẠI LÝ THẨM ĐỊNH GIÁ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 250303.01/CV-CALIVA

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

v/v các cam kết liên quan việc cung
cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản

BẢN CAM KẾT

KÍNH GỬI: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

Số GCN ĐKKD: 0106867385, cấp ngày: 12/07/2023, tại: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành
phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành
phố Hà Nội

Người đại diện pháp luật: Đồng Ngọc Ánh

Chức vụ: Giám Đốc

Số CCCD/CMND: 036089018513

cấp ngày: 11/03/2022

Tại: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Liên quan việc cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản, Công ty Cổ phần Thẩm định giá
Caliva cam kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) một số nội dung
như sau:

1. Cam kết về tình hình tài chính và hoạt động:

- Công ty không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận tình hình tài chính không
lành mạnh.
- Công ty vẫn đang hoạt động hiệu quả không có lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ
động không có khả năng chi trả, không giải thể.

**2. Cam kết về việc đáp ứng các yêu cầu đối với Hồ sơ định giá và Chứng thư thẩm định
giá theo yêu cầu của Luật giá ban hành từng thời kỳ, các hướng dẫn của Bộ Tài chính:**

- Hồ sơ thẩm định giá do Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva phát hành bao gồm:
 - + Báo cáo thẩm định giá tài sản trong đó xác định rõ phương pháp, cơ sở thẩm định
giá tài sản bảo đảm theo tiêu chuẩn thẩm định giá hiện hành.
 - + Chứng thư thẩm định giá có nội dung và hình thức đáp ứng các tiêu chuẩn và các
quy định pháp luật hiện hành về thẩm định giá. Chứng thư thẩm định giá phải có chữ
ký của từ 02 thẩm định viên về giá.
- Báo cáo thẩm định giá phải có đánh giá về các nội dung: Hồ sơ pháp lý của tài sản
đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật; Đánh giá thực tế tài sản thẩm định giá khớp đúng
hay sai lệch so với hồ sơ pháp lý; Chi tiết các phương pháp thẩm định giá, cơ sở tính
toán. Trường hợp sử dụng phương pháp so sánh: (i) Có ít nhất 1 tài sản so sánh đã
giao dịch thành công; (ii) Thông tin của người bán/người cung cấp thông tin phải
được thể hiện chi tiết trong báo cáo thẩm định giá (Tên, số điện thoại liên hệ, thông
tin liên quan về giao dịch tài sản (nếu có)...).
- Các hạn chế thông tin/ngoại trừ cụ thể, ví dụ: tài sản có địa chỉ chưa rõ ràng, có thông



tin quy hoạch liên quan nhưng không có văn bản chính thống đi kèm, các hạn chế khác do phải dựa trên thông tin giả định, thông tin thu thập không chính thống... và đánh giá mức độ ảnh hưởng đến kết quả thẩm định giá do các hạn chế/ngoại trừ này.

3. Chịu trách nhiệm pháp lý và bồi thường cho BIDV trong trường hợp BIDV xảy ra thiệt hại khi sử dụng kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty.
4. Phối hợp rà soát và cung cấp thông tin về kết quả thẩm định giá định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của BIDV.
5. Cam kết về việc đóng bảo hiểm cho các thẩm định viên tại công ty:
Hiện có 9 thẩm định viên đang hành nghề tại Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva.

Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva cam kết những nội dung trên là chính xác, đảm bảo đúng quy trình thực hiện nghiệp vụ và hồ sơ cung cấp báo cáo chứng thư thẩm định giá theo yêu cầu của BIDV.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác và chấp thuận của quý cơ quan.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng TĐG.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ

CALIVA

(ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đông Ngọc Ánh



5. Văn bản, thông báo của Bộ Tài chính v/v Công ty đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá năm 2025

- Thông báo số 1271/TB-BTC ngày 31/12/2024 về việc thông báo về Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề tại các doanh nghiệp thẩm định giá và Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.



CALIVA

THẨM ĐỊNH GIÁ



BỘ TÀI CHÍNH

Số: 127/TB-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Về Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề tại các doanh nghiệp thẩm định giá và Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư Quy định về đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá; trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp, chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 39/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và cấp chứng chỉ nghiệp vụ thẩm định giá;

Trên cơ sở đề nghị của các doanh nghiệp thẩm định giá và việc rà soát Báo cáo danh sách thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp,

Bộ Tài chính thông báo:

- Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề tại các doanh nghiệp thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 (Phụ lục 01 kèm theo). Các doanh nghiệp thẩm định giá tiếp tục kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được Bộ Tài chính cấp;

- Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 (Phụ lục 02 kèm theo). Trường hợp các doanh nghiệp không khắc phục các điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật Giá sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Điều 54 của Luật Giá.



Phụ lục 01

**DANH SÁCH THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP
THẨM ĐỊNH GIÁ KỂ TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số 1271/TB-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính)

| TT | Mã số Giấy chứng nhận | Tên doanh nghiệp | Tên chi nhánh | Thẩm định viên về giá | Số thẻ | Chức danh đăng ký hành nghề | Lĩnh vực thẩm định g |
|-----|-----------------------|---------------------------------|---|-----------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------|
| 210 | 368/TĐG | Công ty CP Thẩm định giá Caliva | | | | | |
| | | | | Đồng Ngọc Ánh | XIV19.2113 | GD | Tài sản và Doanh nghi |
| | | | | Nguyễn Minh Nam | IX14.1159 | TĐV | Tài sản và Doanh nghi |
| | | | | Võ Thị Thu Hà | XIII17.1709 | TĐV | Tài sản và Doanh nghi |
| | | | | Lê Việt Dũng | XIII18.1938 | TĐV | Tài sản và Doanh nghi |
| | | | | Lê Thị Ngà | XIII18.2012 | TĐV | Tài sản và Doanh nghi |
| | | | | Nguyễn Mai Chung | VIII13.729 | TĐV | Tài sản và Doanh nghi |
| | | | | Phan Văn Đồng | XV23.2384 | TĐV | Tài sản và Doanh nghi |
| | | | Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva – Chi nhánh miền Trung | | | | |
| | | | | Hồ Thị Xuân Quỳnh | XV23.2466 | GD CN | Tài sản và Doanh nghi |
| | | | | Tạ Quốc Huy | IX14.1129 | TĐV | Tài sản và Doanh nghi |

BỘ TÀI CHÍNH

6. Cho tới thời điểm hiện tại, các hợp đồng và chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva thực hiện và phát hành chưa phát sinh các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện của khách hàng.
7. Báo cáo nộp cơ quan thuế năm 2022 và 2023



CALIVA

THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Mẫu số: B01a - DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

[02] Mã số thuế: 0106867385

[03] Địa chỉ: Nhà số 6, Ngõ 45, đường
Kim Ngọc.

[04] Quận/Huyện: Huyện Đan
Phượng

[05] Tỉnh/Thành phố: Hà Nội

[06] Điện thoại: 0359047072

[07] Fax:

[08] E-mail:

tranguyenthi2708@gmail.com

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| TÀI SẢN | | | | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 2.053.402.117 | 2.992.445.996 |
| II. Đầu tư tài chính | 120 | | 0 | 0 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 0 | 0 |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 122 | | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 123 | | 0 | 0 |
| 4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*) | 124 | | 0 | 0 |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 2.496.846.368 | 1.335.842.081 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | | 1.946.298.033 | 1.335.842.081 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 0 | 0 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 133 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu khác | 134 | | 550.548.335 | 0 |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 135 | | 0 | 0 |
| 6. Dự phòng phải thu khó đòi (*) | 136 | | 0 | 0 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 0 | 0 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 0 | 0 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 142 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản cố định | 150 | | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 151 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 152 | | 0 | 0 |
| VI. Bất động sản đầu tư | 160 | | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 161 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 162 | | 0 | 0 |
| VII. XDCB dở dang | 170 | | 0 | 0 |
| VIII. Tài sản khác | 180 | | 0 | 0 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 181 | | 0 | 0 |
| 2. Tài sản khác | 182 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180) | 200 | | 4.550.248.485 | 4.328.288.077 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| I. Nợ phải trả | 300 | | 2.533.842.141 | 2.325.490.649 |
| 1. Phải trả người bán | 311 | | 1.545.350.001 | 1.771.627.000 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 312 | | 162.750.000 | 194.788.736 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 94.752.558 | 67.560.371 |

| | | | | |
|--|------------|--|----------------------|----------------------|
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 0 | 0 |
| 5. Phải trả khác | 315 | | 260.000.000 | 260.000.000 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính | 316 | | 400.000.000 | 0 |
| 7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 317 | | 0 | 0 |
| 8. Dự phòng phải trả | 318 | | 70.989.582 | 31.514.542 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 319 | | 0 | 0 |
| 10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 320 | | 0 | 0 |
| II. Vốn chủ sở hữu | 400 | | 2.016.406.344 | 2.002.797.428 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 0 | 0 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 0 | 0 |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | | 0 | 0 |
| 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 415 | | 0 | 0 |
| 6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | 416 | | 0 | 0 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 417 | | 16.406.344 | 2.797.428 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400) | 500 | | 4.550.248.485 | 4.328.288.077 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mẫu số: B02
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

[03] Mã số thuế: 0106867385

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|---------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 3.942.040.991 | 2.225.452.687 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) | 10 | | 3.942.040.991 | 2.225.452.687 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 2.103.204.517 | 251.895.196 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 1.838.836.474 | 1.973.557.491 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 122.617 | 3.857 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 47.900.000 | 0 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 47.900.000 | 0 |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh | 24 | | 1.774.047.946 | 1.958.117.881 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24) | 30 | | 17.011.145 | 15.443.467 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 0 | 0 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 0 | 0 |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 0 | 0 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 17.011.145 | 15.443.467 |
| 14. Chi phí thuế TNDN | 51 | | 3.402.229 | 2.503.859 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51) | 60 | | 13.608.916 | 12.939.608 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA.

**PHỤ LỤC
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Năm 2022

Mẫu số: F01
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA
[03] Mã số thuế: 0106867385

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| Số hiệu tài khoản | Tên tài khoản | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|-------------------|--|---------------|-------------|-----------------------|---------------|---------------|----|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 111 | Tiền mặt | 2.806.410.192 | 0 | 2.230.533.772 | 3.142.110.421 | 1.894.833.543 | 0 |
| 1111 | Tiền Việt Nam | 2.806.410.192 | 0 | 2.230.533.772 | 3.142.110.421 | 1.894.833.543 | 0 |
| 1112 | Ngoại tệ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 112 | Tiền gửi Ngân hàng | 186.035.804 | 0 | 5.414.074.466 | 5.441.541.696 | 158.568.574 | 0 |
| 1121 | Tiền Việt Nam | 186.035.804 | 0 | 5.414.074.466 | 5.441.541.696 | 158.568.574 | 0 |
| 1122 | Ngoại tệ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 121 | Chứng khoán kinh doanh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 128 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1281 | Tiền gửi có kỳ hạn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1288 | Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 131 | Phải thu của khách hàng | 1.335.842.081 | 194.788.736 | 4.264.988.537 | 3.622.493.849 | 1.783.548.033 | 0 |
| 133 | Thuế GTGT được khấu trừ | 0 | 0 | 228.284.940 | 228.284.940 | 0 | 0 |
| 1331 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ | 0 | 0 | 228.284.940 | 228.284.940 | 0 | 0 |
| 1332 | Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 136 | Phải thu nội bộ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1361 | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1368 | Phải thu nội bộ khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 138 | Phải thu khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1381 | Tài sản thiếu chờ xử lý | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1386 | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1388 | Phải thu khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 141 | Tạm ứng | 0 | 0 | 988.679.237 | 438.130.902 | 550.548.335 | 0 |
| 151 | Hàng mua đang đi đường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 152 | Nguyên liệu, vật liệu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 153 | Công cụ, dụng cụ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 154 | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 155 | Thành phẩm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 156 | Hàng hoá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 157 | Hàng gửi đi bán | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 211 | Tài sản cố định | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2111 | TSCĐ hữu hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2112 | TSCĐ thuê tài chính | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2113 | TSCĐ vô hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 214 | Hao mòn TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2141 | Hao mòn TSCĐ hữu hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2142 | Hao mòn TSCĐ thuê tài chính | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2143 | Hao mòn TSCĐ vô hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2147 | Hao mòn bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 217 | Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 228 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2281 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2288 | Đầu tư khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 229 | Dự phòng tổn thất tài sản | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2291 | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | | | | | |
|-------|---|---|---------------|---------------|---------------|---|---------------|
| 2292 | Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2293 | Dự phòng phải thu khó đòi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2294 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 241 | Xây dựng cơ bản dở dang | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2411 | Mua sắm TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2412 | Xây dựng cơ bản | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2413 | Sửa chữa lớn TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 242 | Chi phí trả trước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | LOẠI TÀI KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ | | | | | | |
| 331 | Phải trả cho người bán | 0 | 1.771.627.000 | 2.108.529.003 | 1.882.252.004 | 0 | 1.545.350.001 |
| 333 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 0 | 67.560.371 | 295.694.624 | 322.886.811 | 0 | 94.752.558 |
| 3331 | Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 0 | 65.056.512 | 291.069.092 | 317.484.582 | 0 | 0 |
| 33311 | Thuế GTGT đầu ra | 0 | 65.056.512 | 291.069.092 | 317.484.582 | 0 | 91.472.002 |
| 33312 | Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3332 | Thuế tiêu thụ đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3333 | Thuế xuất, nhập khẩu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3334 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 2.503.859 | 2.625.532 | 3.402.229 | 0 | 3.280.556 |
| 3335 | Thuế thu nhập cá nhân | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3336 | Thuế tài nguyên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3337 | Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3338 | Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác | 0 | 0 | 2.000.000 | 2.000.000 | 0 | 0 |
| 33381 | Thuế bảo vệ môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 33382 | Các loại thuế khác | 0 | 0 | 2.000.000 | 2.000.000 | 0 | 0 |
| 3339 | Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 334 | Phải trả người lao động | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 335 | Chi phí phải trả | 0 | 260.000.000 | 0 | 0 | 0 | 260.000.000 |
| 336 | Phải trả nội bộ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3361 | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3368 | Phải trả nội bộ khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 338 | Phải trả, phải nộp khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3381 | Tài sản thừa chờ giải quyết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3382 | Kinh phí công đoàn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3383 | Bảo hiểm xã hội | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3384 | Bảo hiểm y tế | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3385 | Bảo hiểm thất nghiệp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3386 | Nhận ký quỹ, ký cược | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3387 | Doanh thu chưa thực hiện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3388 | Phải trả, phải nộp khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 341 | Vay và nợ thuê tài chính | 0 | 0 | 400.000.000 | 800.000.000 | 0 | 400.000.000 |
| 3411 | Các khoản đi vay | 0 | 0 | 400.000.000 | 800.000.000 | 0 | 400.000.000 |
| 3412 | Nợ thuê tài chính | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 352 | Dự phòng phải trả | 0 | 31.514.542 | 0 | 39.475.040 | 0 | 0 |
| 3521 | Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3522 | Dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3524 | Dự phòng phải trả khác | 0 | 31.514.542 | 0 | 39.475.040 | 0 | 70.989.582 |
| 353 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3531 | Quỹ khen thưởng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3532 | Quỹ phúc lợi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3533 | Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3534 | Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 356 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3561 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3562 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | LOẠI TÀI KHOẢN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | | | |
| 411 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 0 | 2.000.000.000 | 0 | 0 | 0 | 2.000.000.000 |
| 4111 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 0 | 2.000.000.000 | 0 | 0 | 0 | 2.000.000.000 |


| | | | | | | | |
|--|--|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| 4112 | Thặng dư vốn cổ phần | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4118 | Vốn khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 413 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 418 | Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 419 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 0 | 2.797.428 | 0 | 13.608.916 | 0 | 16.406.344 |
| 4211 | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước | 0 | 2.797.428 | 0 | 0 | 0 | 2.797.428 |
| 4212 | Lợi nhuận chưa phân phối năm nay | 0 | 0 | 0 | 13.608.916 | 0 | 13.608.916 |
| LOẠI TÀI KHOẢN DOANH THU | | | | | | | |
| 511 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 0 | 0 | 3.947.503.955 | 3.947.503.955 | 0 | 0 |
| 5111 | Doanh thu bán hàng hoá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5112 | Doanh thu bán thành phẩm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5113 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 0 | 0 | 3.947.503.955 | 3.947.503.955 | 0 | 0 |
| 5118 | Doanh thu khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 515 | Doanh thu hoạt động tài chính | 0 | 0 | 122.617 | 122.617 | 0 | 0 |
| LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH | | | | | | | |
| 611 | Mua hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 631 | Giá thành sản xuất | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 632 | Giá vốn hàng bán | 0 | 0 | 2.103.204.517 | 2.103.204.517 | 0 | 0 |
| 635 | Chi phí tài chính | 0 | 0 | 47.900.000 | 47.900.000 | 0 | 0 |
| 642 | Chi phí quản lý kinh doanh | 0 | 0 | 1.774.047.946 | 1.774.047.946 | 0 | 0 |
| 6421 | Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6422 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 0 | 0 | 1.774.047.946 | 1.774.047.946 | 0 | 0 |
| LOẠI TÀI KHOẢN THU NHẬP KHÁC | | | | | | | |
| 711 | Thu nhập khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ KHÁC | | | | | | | |
| 811 | Chi phí khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 821 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 0 | 4.494.822 | 4.494.822 | 0 | 0 |
| TÀI KHOẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH | | | | | | | |
| 911 | Xác định kết quả kinh doanh | 0 | 0 | 3.947.626.572 | 3.947.626.572 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 4.328.288.077 | 4.328.288.077 | 27.755.685.008 | 27.755.685.008 | 4.387.498.485 | 4.316.508.903 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Mẫu số: B01a - DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva

[02] Mã số thuế: 0106867385

[03] Địa chỉ: Nhà số 6, Ngõ 45, đường Kim Ngọc,
Xã Tân Lập

[06] Điện thoại:

BCTC đã được kiểm toán: []

Ý kiến kiểm toán:

[04] Quận/Huyện: Huyện Đan
Phượng

[07] Fax:

[05] Tỉnh/Thành phố: Hà
Nội

[08] E-mail:

Đơn vị tiền: đồng VN

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| TÀI SẢN | | | | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1.688.011.478 | 1.968.706.929 |
| II. Đầu tư tài chính | 120 | | 0 | 0 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 0 | 0 |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 122 | | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 123 | | 0 | 0 |
| 4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*) | 124 | | 0 | 0 |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 4.570.722.636 | 2.188.056.659 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | | 2.129.270.587 | 2.031.978.424 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 38.415.749 | 0 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 133 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu khác | 134 | | 2.403.036.300 | 156.078.235 |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 135 | | 0 | 0 |
| 6. Dự phòng phải thu khó đòi (*) | 136 | | 0 | 0 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 0 | 0 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 0 | 0 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 142 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản cố định | 150 | | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 151 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 152 | | 0 | 0 |
| VI. Bất động sản đầu tư | 160 | | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 161 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 162 | | 0 | 0 |
| VII. XDCB dở dang | 170 | | 0 | 0 |
| VIII. Tài sản khác | 180 | | 0 | 0 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 181 | | 0 | 0 |
| 2. Tài sản khác | 182 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180) | 200 | | 6.258.734.114 | 4.156.763.588 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| I. Nợ phải trả | 300 | | 4.223.919.277 | 2.135.958.599 |
| 1. Phải trả người bán | 311 | | 595.916.750 | 1.258.060.001 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 312 | | 770.424.635 | 217.250.300 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 281.370.893 | 139.435.778 |

| | | | |
|--|------------|----------------------|----------------------|
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 57.579.588 | 50.277.568 |
| 5. Phải trả khác | 315 | 6.074.446 | 0 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính | 316 | 2.400.000.000 | 400.000.000 |
| 7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 317 | 0 | 0 |
| 8. Dự phòng phải trả | 318 | 112.552.965 | 70.934.952 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 319 | 0 | 0 |
| 10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 320 | 0 | 0 |
| II. Vốn chủ sở hữu | 400 | 2.034.814.837 | 2.020.804.989 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 0 | 0 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | 0 | 0 |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | 0 | 0 |
| 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 415 | 0 | 0 |
| 6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | 416 | 0 | 0 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 417 | 34.814.837 | 20.804.989 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400) | 500 | 6.258.734.114 | 4.156.763.588 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÂM ĐỊNH GIÁ CALIVA.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mẫu số: B02
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva

[03] Mã số thuế: 0106867385

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|---------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 4.161.801.293 | 3.942.040.991 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) | 10 | | 4.161.801.293 | 3.942.040.991 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 1.232.556.321 | 2.138.881.678 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 2.929.244.972 | 1.803.159.313 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 189.080 | 122.617 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 197.000.000 | 54.000.000 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 0 | 0 |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh | 24 | | 2.714.894.265 | 1.726.628.208 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24) | 30 | | 17.539.787 | 22.653.722 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 0 | 0 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 27.477 | 144.271 |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (27.477) | (144.271) |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 17.512.310 | 22.509.451 |
| 14. Chi phí thuế TNDN | 51 | | 3.502.462 | 4.501.890 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51) | 60 | | 14.009.848 | 18.007.561 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Mẫu số: B03
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva

[03] Mã số thuế: 0106867385

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 4.982.531.868 | 3.595.536.375 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | | (1.581.581.750) | (2.188.319.003) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (300.920.000) | (368.127.613) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (197.000.000) | 0 |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | 0 | (2.503.859) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 259.640.011 | 20.000.000 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (5.443.365.580) | (2.480.324.967) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (2.280.695.451) | (1.423.739.067) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác | 21 | | 0 | 0 |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 23 | | 0 | (8.934.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 24 | | 0 | 8.934.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 25 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 0 | 0 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 0 | 0 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 2.400.000.000 | 800.000.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính | 34 | | (400.000.000) | (400.000.000) |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 35 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 2.000.000.000 | 400.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (280.695.451) | (1.023.739.067) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 1.968.706.929 | 2.992.445.996 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 0 | 0 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 1.688.011.478 | 1.968.706.929 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
(2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA.

**PHỤ LỤC
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Năm 2023

Mẫu số: F01
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva
[03] Mã số thuế: 0106867385

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| Số hiệu tài khoản | Tên tài khoản | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|-------------------|--|---------------|-------------|-----------------------|---------------|---------------|-------------|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 111 | Tiền mặt | 1.810.138.355 | 0 | 6.155.634.662 | 6.358.901.445 | 1.606.871.572 | 0 |
| 1111 | Tiền Việt Nam | 1.810.138.355 | 0 | 6.155.634.662 | 6.358.901.445 | 1.606.871.572 | 0 |
| 1112 | Ngoại tệ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 112 | Tiền gửi Ngân hàng | 158.568.574 | 0 | 6.384.831.842 | 6.462.260.510 | 81.139.906 | 0 |
| 1121 | Tiền Việt Nam | 158.568.574 | 0 | 6.384.831.842 | 6.462.260.510 | 81.139.906 | 0 |
| 1122 | Ngoại tệ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 121 | Chứng khoán kinh doanh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 128 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1281 | Tiền gửi có kỳ hạn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1288 | Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 131 | Phải thu của khách hàng | 2.031.978.424 | 217.250.300 | 4.526.460.616 | 4.982.342.788 | 2.129.270.587 | 770.424.635 |
| 133 | Thuế GTGT được khấu trừ | 0 | 0 | 89.133.353 | 89.133.353 | 0 | 0 |
| 1331 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ | 0 | 0 | 89.133.353 | 89.133.353 | 0 | 0 |
| 1332 | Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 136 | Phải thu nội bộ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1361 | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1368 | Phải thu nội bộ khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 138 | Phải thu khác | 0 | 0 | 2.000.100.000 | 100.010 | 1.999.999.990 | 0 |
| 1381 | Tài sản thiếu chờ xử lý | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1386 | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1388 | Phải thu khác | 0 | 0 | 2.000.100.000 | 100.010 | 1.999.999.990 | 0 |
| 141 | Tạm ứng | 152.420.289 | 0 | 510.156.022 | 259.540.001 | 403.036.310 | 0 |
| 151 | Hàng mua đang đi đường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 152 | Nguyên liệu, vật liệu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 153 | Công cụ, dụng cụ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 154 | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 155 | Thành phẩm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 156 | Hàng hoá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 157 | Hàng gửi đi bán | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 211 | Tài sản cố định | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2111 | TSCĐ hữu hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2112 | TSCĐ thuê tài chính | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2113 | TSCĐ vô hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 214 | Hao mòn TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2141 | Hao mòn TSCĐ hữu hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2142 | Hao mòn TSCĐ thuê tài chính | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2143 | Hao mòn TSCĐ vô hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2147 | Hao mòn bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 217 | Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 228 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2281 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2288 | Đầu tư khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 229 | Dự phòng tổn thất tài sản | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2291 | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | | | | | |
|--------------------------------------|---|-----------|---------------|---------------|---------------|------------|---------------|
| 2292 | Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2293 | Dự phòng phải thu khó đòi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2294 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 241 | Xây dựng cơ bản dở dang | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2411 | Mua sắm TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2412 | Xây dựng cơ bản | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2413 | Sửa chữa lớn TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 242 | Chi phí trả trước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LOẠI TÀI KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ | | | | | | | |
| 331 | Phải trả cho người bán | 0 | 1.258.060.001 | 1.581.581.750 | 881.022.750 | 38.415.749 | 595.916.750 |
| 333 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 0 | 139.435.778 | 225.976.670 | 367.911.785 | 0 | 281.370.893 |
| 3331 | Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 0 | 134.933.888 | 221.976.670 | 360.409.323 | 0 | 273.366.541 |
| 33311 | Thuế GTGT đầu ra | 0 | 134.933.888 | 221.976.670 | 360.409.323 | 0 | 273.366.541 |
| 33312 | Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3332 | Thuế tiêu thụ đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3333 | Thuế xuất, nhập khẩu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3334 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 4.501.890 | 0 | 3.502.462 | 0 | 8.004.352 |
| 3335 | Thuế thu nhập cá nhân | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3336 | Thuế tài nguyên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3337 | Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3338 | Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác | 0 | 0 | 4.000.000 | 4.000.000 | 0 | 0 |
| 33381 | Thuế bảo vệ môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 33382 | Các loại thuế khác | 0 | 0 | 4.000.000 | 4.000.000 | 0 | 0 |
| 3339 | Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 334 | Phải trả người lao động | 0 | 50.277.568 | 312.477.980 | 319.780.000 | 0 | 57.579.588 |
| 335 | Chi phí phải trả | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 336 | Phải trả nội bộ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3361 | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3368 | Phải trả nội bộ khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 338 | Phải trả, phải nộp khác | 3.657.946 | 0 | 25.491.928 | 35.224.320 | 0 | 6.074.446 |
| 3381 | Tài sản thừa chờ giải quyết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3382 | Kinh phí công đoàn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3383 | Bảo hiểm xã hội | 2.989.369 | 0 | 20.062.634 | 28.069.380 | 0 | 5.017.377 |
| 3384 | Bảo hiểm y tế | 415.567 | 0 | 3.828.078 | 4.953.420 | 0 | 709.775 |
| 3385 | Bảo hiểm thất nghiệp | 253.010 | 0 | 1.601.216 | 2.201.520 | 0 | 347.294 |
| 3386 | Nhận ký quỹ, ký cược | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3387 | Doanh thu chưa thực hiện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3388 | Phải trả, phải nộp khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 341 | Vay và nợ thuê tài chính | 0 | 400.000.000 | 400.000.000 | 2.400.000.000 | 0 | 2.400.000.000 |
| 3411 | Các khoản đi vay | 0 | 400.000.000 | 400.000.000 | 2.400.000.000 | 0 | 2.400.000.000 |
| 3412 | Nợ thuê tài chính | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 352 | Dự phòng phải trả | 0 | 70.934.952 | 0 | 41.618.013 | 0 | 112.552.965 |
| 3521 | Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3522 | Dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3524 | Dự phòng phải trả khác | 0 | 70.934.952 | 0 | 41.618.013 | 0 | 112.552.965 |
| 353 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3531 | Quỹ khen thưởng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3532 | Quỹ phúc lợi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3533 | Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3534 | Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 356 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3561 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3562 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LOẠI TÀI KHOẢN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | | | | |
| 411 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 0 | 2.000.000.000 | 0 | 0 | 0 | 2.000.000.000 |
| 4111 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 0 | 2.000.000.000 | 0 | 0 | 0 | 2.000.000.000 |

| | | | | | | | |
|--|--|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| 4112 | Thặng dư vốn cổ phần | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4118 | Vốn khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 413 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 418 | Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 419 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 0 | 20.804.989 | 18.007.561 | 32.017.409 | 0 | 34.814.837 |
| 4211 | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước | 0 | 2.797.428 | 0 | 18.007.561 | 0 | 20.804.989 |
| 4212 | Lợi nhuận chưa phân phối năm nay | 0 | 18.007.561 | 18.007.561 | 14.009.848 | 0 | 14.009.848 |
| LOẠI TÀI KHOẢN DOANH THU | | | | | | | |
| 511 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 0 | 0 | 4.161.801.293 | 4.161.801.293 | 0 | 0 |
| 5111 | Doanh thu bán hàng hoá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5112 | Doanh thu bán thành phẩm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5113 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 0 | 0 | 4.161.801.293 | 4.161.801.293 | 0 | 0 |
| 5118 | Doanh thu khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 515 | Doanh thu hoạt động tài chính | 0 | 0 | 189.080 | 189.080 | 0 | 0 |
| LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH | | | | | | | |
| 611 | Mua hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 631 | Giá thành sản xuất | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 632 | Giá vốn hàng bán | 0 | 0 | 1.232.556.321 | 1.232.556.321 | 0 | 0 |
| 635 | Chi phí tài chính | 0 | 0 | 197.000.000 | 197.000.000 | 0 | 0 |
| 642 | Chi phí quản lý kinh doanh | 0 | 0 | 2.714.894.265 | 2.714.894.265 | 0 | 0 |
| 6421 | Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6422 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 0 | 0 | 2.714.894.265 | 2.714.894.265 | 0 | 0 |
| LOẠI TÀI KHOẢN THU NHẬP KHÁC | | | | | | | |
| 711 | Thu nhập khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ KHÁC | | | | | | | |
| 811 | Chi phí khác | 0 | 0 | 27.477 | 27.477 | 0 | 0 |
| 821 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 0 | 3.502.462 | 3.502.462 | 0 | 0 |
| TÀI KHOẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH | | | | | | | |
| 911 | Xác định kết quả kinh doanh | 0 | 0 | 4.161.990.373 | 4.161.990.373 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 4.156.763.588 | 4.156.763.588 | 34.701.813.655 | 34.701.813.655 | 6.258.734.114 | 6.258.734.114 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA.

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

II. Thông tin, hồ sơ về năng lực thẩm định giá

1. Các Tổ chức tín dụng (bao gồm cả BIDV nếu có) đã hợp tác (từ năm 2022 đến hết năm 2024)

| STT | Tên TCTD | Hình thức hợp tác (Ký thỏa thuận/Thông báo theo danh sách/Theo sự vụ) | Thời điểm hợp tác (năm) | Số lượng CTTĐG đã phát hành | Giá trị tài sản đã thực hiện (trđ) |
|-----|--|--|-------------------------|-----------------------------|------------------------------------|
| 1 | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam | Thông báo số 1444/NHNo-TD ngày 23/02/2022 v/v thông báo danh sách doanh nghiệp thẩm định giá | 2022 | | |

2. Số lượng Chứng thư thẩm định giá và giá trị tài sản đã thẩm định (bao gồm cả BIDV nếu có)

| Tiêu chí | | Thời gian | | | | | |
|---|-------------------------------|-----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|
| | | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Năm 2024 | |
| | | BIDV | Khác | BIDV | Khác | BIDV | Khác |
| Số lượng CTTĐG | Tổng | | 190 | | 275 | | 198 |
| | Số lượng CTTĐG trên 5 tỷ đồng | | 27 | | 45 | | 24 |
| Tổng giá trị tài sản đã thực hiện TĐG (trđ) | Tổng | | 1.521.068 | | 2.232.920 | | 4.464.311 |
| | Giá trị CTTĐG trên 5 tỷ đồng | | 912.641 | | 1.228.106 | | 3.388.485 |

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

3. Thông tin về 20 Hợp đồng cung cấp dịch vụ Thẩm định giá có giá trị tài sản thẩm định giá lớn nhất mà Công ty đã thực hiện

| TT | Tên khách hàng | Loại tài sản | Giá trị (trđ) | Mục đích thẩm định giá | Thời gian hoàn thành |
|--------------------|---|---------------------------------------|---------------|--|----------------------|
| I. Năm 2022 | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Tập đoàn Xuân Lãm | Công trình xây dựng tại Cảng Chạp Khê | 23.338 | Làm cơ sở tham khảo giá trị tài sản thế chấp | Tháng 01/2022 |
| 2 | Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội | Dịch vụ vận hành tòa nhà | 4.044 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 03/2022 |
| 3 | Công ty TNHH Giải pháp chiếu sáng LED4LIFE Việt Nam | Giá trị QSD đất | 23.158 | Làm cơ sở tham khảo giá trị tài sản thế chấp | Tháng 04/2022 |
| 4 | Công ty Cổ phần chứng khoán AGRIBANK | Vật tư thiết bị để phục vụ dự án | 8.029 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 05/2022 |
| 5 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang | Vật tư thiết bị để phục vụ dự án | 222.640 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 07/2022 |
| 6 | Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên | Vật tư, vật liệu y tế | 11.052 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 09/2022 |
| 7 | Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đan Phượng | Quyền sử dụng đất | 102.032 | Làm giá căn cứ khởi điểm để đấu giá | Tháng 10/2022 |
| 8 | Tổng công ty LICOGI - CTCP | Giá trị QSD đất | 30.247 | Làm cơ sở tham khảo giá trị tài sản thế chấp | Tháng 10/2022 |
| 9 | Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đan Phượng | Quyền sử dụng đất | 8.329 | Làm giá căn cứ khởi điểm để đấu giá | Tháng 10/2022 |
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành | Nhà máy thủy điện | 905.928 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 11/2022 |

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

| | | | | | |
|----|--|---|---------|--|---------------|
| 11 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang | Giá trị vốn chủ sở hữu | 483.221 | Xác định giá trị doanh nghiệp làm cơ sở tham khảo để chuyển nhượng cổ phần | Tháng 11/2022 |
| 12 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành | Nhà máy thủy điện | 229.164 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 11/2022 |
| 13 | Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đan Phượng | Quyền sử dụng đất | 230.419 | Làm giá căn cứ khởi điểm để đấu giá | Tháng 12/2022 |
| 14 | Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đan Phượng | Quyền sử dụng đất | 120.312 | Làm giá căn cứ khởi điểm để đấu giá | Tháng 12/2022 |
| 15 | Công an thành phố Hải Phòng | Phương tiện vận tải và thiết bị chữa cháy | 100.347 | Làm cơ sở tham khảo để phục vụ công tác mua sắm | Tháng 12/2022 |
| 16 | Sở Tài Chính tỉnh Quảng Ngãi | Vật tư thiết bị để phục vụ dự án | 61.051 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 12/2022 |
| 17 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên | Vật tư thiết bị để phục vụ dự án | 25.354 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 12/2022 |
| 18 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên | Vật tư thiết bị để phục vụ dự án | 14.576 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 12/2022 |
| 19 | Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng tái tạo Thiên Nam | Thẩm định giá trị doanh nghiệp | 10.382 | Xác định giá trị 01 cổ phần | Tháng 12/2022 |
| 20 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên | Vật tư thiết bị để phục vụ dự án | 9.872 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 12/2022 |

II. Năm 2023

| | | | | | |
|---|-------------------------|--|-------|---------------------------------|---------------|
| 1 | Tạp chí bảo hiểm xã hội | Chi phí in 12 tháng kỷ Bảo hiểm xã hội | 4.414 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 02/2023 |
| 2 | Tạp chí bảo hiểm xã hội | Chi phí in 12 tháng kỷ An sinh xã hội | 9.852 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 02/2023 |

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

| | | | | | |
|----|---|---|-----------|--|---------------|
| 3 | Vườn quốc gia Tràm Chim | Thiết bị thuộc dự án | 1.984 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 04/2023 |
| 4 | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Mã | Nhà máy thủy điện | 185.972 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 04/2023 |
| 5 | Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội | Chi phí số hóa tài liệu | 9.589 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 04/2023 |
| 6 | Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu | Vật tư khám chữa bệnh | 8.268 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 04/2023 |
| 7 | Công ty Cổ phần Thủy sản Bình Minh | Thẩm định giá dự án | 1.417.282 | Làm căn cứ xác định giá trị thị trường củ tài sản | Tháng 05/2023 |
| 8 | Công ty Cổ phần KSFInace | Thẩm định giá trị Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa | 2.235.114 | Làm cơ sở cho mục đích mua bán cổ phần | Tháng 05/2023 |
| 9 | Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hải Dương | Giá đất cụ thể | 220.105 | Làm giá căn cứ khởi điểm để đấu giá | Tháng 06/2023 |
| 10 | Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ | Giá trị tài sản gắn liền với đất | 94.041 | Làm căn cứ để xử lý tài sản đảm bảo | Tháng 06/2023 |
| 11 | Phòng Nội vụ thị xã Hòa Thành | Chi phí triển khai phần mềm quản lý hồ sơ số hóa và chi phí số hóa tài liệu lưu trữ có thời hạn | 5.333 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 08/2023 |
| 12 | Cục kỹ thuật - Quân khu 3 | Vật tư, thiết bị tài sản chuyên dụng tham mưu kỹ thuật | 3.784 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 08/2023 |
| 13 | Công ty Cổ phần Clever Group | Thẩm định biệt thự nhà vườn Xanh Villas | 30.155 | Làm cơ sở tham khảo trong việc mua bán | Tháng 10/2023 |
| 14 | Công an tỉnh Vũng Tàu | Thẩm định giá mua sắm tài sản gói 3 | 10.899 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 10/2023 |

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

| | | | | | |
|----------------------|---|---|---------|--|---------------|
| 15 | Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông | Dịch vụ bảo mật | 4.399 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 10/2023 |
| 16 | Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam | Phương tiện vận tải | 8.319 | Làm cơ sở tham khảo để phục vụ công tác mua sắm | Tháng 11/2023 |
| 17 | Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Thẩm định giá: Sổ công tác Bảo hiểm xã hội Việt Nam | 3.867 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 11/2023 |
| 18 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành | Nhà máy thủy điện | 225.483 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 11/2023 |
| 19 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành | Nhà máy thủy điện | 891.269 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 11/2023 |
| 20 | Nhà xuất bản Kim Đồng | Thẩm định giá chi phí vận chuyển sách của Nhà xuất bản Kim Đồng năm 2024 | 4.280 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 12/2023 |
| III. Năm 2024 | | | | | |
| 1 | Nhà xuất bản Kim Đồng | Dự toán In sách Kim Đồng năm 2024 - Đợt 1 | 2.4591 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 02/2024 |
| 2 | Trung tâm Tư vấn, dịch vụ quản lý tài chính và tài sản công | Máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy in, máy photocopy. | 15.494 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 03/2024 |
| 3 | Chi cục Kiểm lâm Hà Nội | Chi phí tuyên truyền trên chương trình “Vì một tương lai xanh” của Đài truyền hình Việt Nam | 2.022 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 03/2024 |
| 4 | Công an huyện Quỳnh Nhai | Hệ thống camera giám sát an ninh Chi phí in báo năm 2024 | 1.926 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 03/2024 |
| 5 | Báo lao động Thủ Đô | Chi phí in báo năm 2024 | 2.132 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 04/2024 |

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

| | | | | | |
|----|--|--|---------|---|---------------|
| 6 | Phòng văn hóa và thông tin huyện Thạch Thất | Thiết bị trong nhà và thiết bị thể dục thể thao ngoài trời năm 2024 | 11.931 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 05/2024 |
| 7 | Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội | Chi phí số hóa tài liệu vụ án hình sự | 8.008 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 05/2024 |
| 8 | Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình | Chuẩn hóa, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 9.905 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 06/2024 |
| 9 | Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh Hà Nội | Xe ô tô xi téc và xe tải thang nâng chuyên dụng | 4.460 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 06/2024 |
| 10 | Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La | Chi phí chính lý tài liệu và chi phí số hóa | 3.365 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán | Tháng 08/2024 |
| 11 | Phòng Nội vụ huyện An Lão | Chính lý tài liệu tồn động của UBND huyện An Lão | 4.763 | Làm căn cứ để phê duyệt dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành | Tháng 09/2024 |
| 12 | Công ty CP Tập đoàn Sunshine | Giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Sunshine Mart | 40.029 | Làm cơ sở tham khảo cho mục đích chuyển nhượng cổ phần | Tháng 10/2024 |
| 13 | Phòng Nội vụ quận Lê Chân | Chính lý tài liệu tồn động của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân | 6.350 | Làm cơ sở cho việc lập dự toán, thẩm định dự toán mua sắm theo quy định của pháp luật hiện hành | Tháng 10/2024 |
| 14 | Phòng Tài nguyên và Môi trường tp Thái Nguyên | Số hóa hồ sơ tài liệu | 2.040 | Làm cơ sở tham khảo cho việc phê duyệt dự toán theo quy định của pháp luật hiện hành | Tháng 11/2024 |
| 15 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành | Nhà máy thủy điện Ngòi hút 2A công suất 8.400W | 219.433 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 11/2024 |
| 16 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành | Nhà máy thủy điện Pá Hu công suất 26.000W | 868.411 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 11/2024 |

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

| | | | | | |
|----|---|--|-----------|--|---------------|
| 17 | Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes | Giá trị 01 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long Biên | 605.092 | Làm cơ sở tham khảo cho mục đích mua/nhận chuyển nhượng cổ phần | Tháng 11/2024 |
| 18 | Công ty Cổ phần Thủy Sản Bình Minh | Giá trị dự án KDL ND Bình Minh | 1.251.080 | Làm cơ sở tham khảo trong việc xác định giá trị thị trường của tài sản, hoạch định chiến lược, tính toán nguồn thu và lập phương án kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành | Tháng 12/2024 |
| 19 | Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 596, 597, 598, 599, 600, 601 cùng tờ bản đồ số 04 xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. | 9.464 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 12/2024 |
| 20 | Ông Lê Thiện Đệ | Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 13 tờ bản đồ số 40 phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi | 2.153 | Xác định lại giá trị tài sản đảm bảo | Tháng 12/2024 |

Phần 2

***Hồ sơ, thông tin về Người đại diện pháp luật;
Giám đốc/Tổng Giám đốc; Người có thẩm quyền/được
ủy quyền ký kết Hợp đồng dịch vụ/Chứng thư thẩm
định giá tại Công ty***

- Căn cước công dân ông Đồng Ngọc Ánh;
- Quyết định số 230519.02/QĐ-CALIVA ngày 19/05/2023 về việc bổ nhiệm chức vụ Giám Đốc thẩm định giá với ông Đồng Ngọc Ánh;
- Thông báo số 230519.01/TB-CALIVA ngày 19/05/2023 về việc giới thiệu chức danh và mẫu chữ ký Giám Đốc Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva.



CALIVA

THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 230519.02/QĐ-CALIVA

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Bổ nhiệm Giám đốc Công ty)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp 2020 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- Căn cứ Biên bản họp đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thẩm định giá CALIVA số 01/2023/BB-CALIVA ngày 19/05/2023;
- Căn cứ vào nhu cầu cán bộ điều hành tổ chức công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay bổ nhiệm:

Họ và tên: **ĐỒNG NGỌC ÁNH**

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 036089018513 Cấp ngày: 11/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát về quản lý hành chính về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 4, thôn Lạc Chính, xã Trục Khang, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2714 tầng 27 tòa A1, Chung cư Ecolife Capitol, 58 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giữ chức vụ: Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Cổ phần Thẩm định giá CALIVA.

Điều 2: Mức lương được hưởng: Theo thỏa thuận

Điều 3: Trách nhiệm và quyền hạn

- Được quyền thay mặt Hội đồng quản trị Công ty điều hành mọi hoạt động tổ chức, kinh tế tài chính, nhân sự của Công ty.
- Được quyền ký các quyết định bổ nhiệm nhân sự điều hành Công ty, các hợp đồng kinh tế với các cá nhân và tổ chức kinh tế.
- Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc tổ chức điều hành hoạt động của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy định pháp luật hiện hành.



- Thay mặt Tổng giám đốc phụ trách điều hành, quản lý trong các lĩnh vực được phân công theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng phải chịu sự chỉ đạo và báo cáo cho Tổng giám đốc Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Hội đồng quản trị Công ty về mọi hoạt động của Công ty.

Điều 4: Các phòng ban Công ty và ông **Đồng Ngọc Ánh** có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Cá nhân tại Điều 1,
- Lưu văn phòng Cty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Minh Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

Số: 230519.01/TB-CALIVA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2023




THÔNG BÁO

**V/v giới thiệu chức danh và mẫu chữ ký Giám Đốc
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva**

- Căn cứ Quyết định số 230519/QĐ-CALIVA ngày 19/05/2023 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva;
- Căn cứ Biên bản họp đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva số 01/2023/BB-CALIVA ngày 19/05/2023 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Ngày 19/05/2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva đã ban hành quyết định số 230519.02/QĐ-CALIVA về việc bổ nhiệm ông **Đồng Ngọc Ánh** – Giữ chức vụ Giám Đốc Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva từ ngày 19/05/2023.

Công ty xin trân trọng thông báo giới thiệu chức danh và mẫu chữ ký của ông **Đồng Ngọc Ánh** như sau:

| Chữ ký chính | Mẫu chữ ký | Chữ ký tắt |
|---|---|---|
|  |  |  |
| Đồng Ngọc Ánh | | Đồng Ngọc Ánh |

Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva xin thông báo tới các cơ quan hữu quan biết để tiện liên hệ công tác.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, Phòng TĐG.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA



GIÁM ĐỐC

Đồng Ngọc Ánh

Phần 3

Hồ sơ, thông tin về Thẩm định viên về giá tại công ty

I. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm và điều kiện hành nghề của Thẩm định viên về giá hiện có

| TT | Họ và tên | Số thẻ TĐV | Năm cấp thẻ | Chức vụ tại công ty | Số HD DV thẩm định giá đã thực hiện | Tổng giá trị tài sản đã định giá từ năm 2022 đến hết 2024 (trđ) | Số TB Đ ĐKHN TĐG năm 2025 của BTC |
|----|-------------------|-------------|-------------|----------------------------|-------------------------------------|---|-----------------------------------|
| 1 | Đồng Ngọc Ánh | XIV19.2113 | 2019 | Giám đốc ĐDPL | 642 | 5.883.360 | 1721/TB-BTC ngày 31/12/2024 |
| 2 | Nguyễn Minh Nam | IX14.1159 | 2015 | Thẩm định viên | 53 | 5.875 | |
| 3 | Võ Thị Thu Hà | XII17.1709 | 2017 | Thẩm định viên | 357 | 2.362.298 | |
| 4 | Lê Việt Dũng | XIII18.1938 | 2018 | Thẩm định viên | 159 | 393.653 | |
| 5 | Lê Thị Nga | XIII18.2012 | 2018 | Thẩm định viên | 15 | 26.390 | |
| 6 | Nguyễn Mai Chung | VIII13.729 | 2013 | Thẩm định viên | 20 | 1.898.072 | |
| 7 | Phan Văn Đồng | XV23.2384 | 2023 | Thẩm định viên | | | |
| 8 | Hồ Thị Xuân Quỳnh | XV23.2466 | 2023 | Giám đốc CN Thẩm định viên | 33 | 53.999 | |
| 9 | Tạ Quốc Huy | IX14.1129 | 2014 | Thẩm định viên | 5 | 2.153 | |

II. Hồ sơ đối với các Thẩm định viên về giá tại Công ty



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



Số: **2677/QĐ-BTC** ngày **16/..12/..2019**

Số thẻ (Certificate No.):.....**XIV.19.2113**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)

Họ, tên (Full name):.....**Đỗ Ngọc Ánh**

Ngày sinh (Date of Birth):.....**22/11/1989**

Quốc quán/Quốc tịch (Nationality):.....**Nam Định**

Số CMND/Hộ chiếu (ID/Passport No.):.....**163036134**

Ngày cấp (Date of issue):.....**29/09/2008**

Nơi cấp (Place of issue): **Công an tỉnh Nam Định**

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019





BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



Số **69**.../QĐ-BTC ngày **20**.../**01**...**2015**
Số thẻ (Certificate No) **IX14.1159**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)

Họ, tên (Full name): **NGUYỄN MINH NAM**
Ngày sinh (Date of Birth): **10/03/1979**
Quê quán/Quốc tịch (Nationality): **Tuyên Quang**
Số CMND/Hộ chiếu (ID/Passport No.): **012910266**
Ngày cấp (Date of issue): **28/06/2013**
Nơi cấp (Place of issue): **CA TP Hà Nội**

Hà Nội, ngày **20** tháng **01** năm **2015**





BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)

Họ, tên (Full name): **Võ Thị Thu Hà**

Ngày sinh (Date of Birth): **12/03/1992**

Quê quán/Quốc tịch (Nationality): **Nghệ An**

Số CMND/Hộ chiếu (ID/Passport No.): **187222876**

Ngày cấp (Date of issue): **13/03/2010**

Nơi cấp (Place of issue): **CA.Tỉnh Nghệ An**

Hà Nội, ngày: 21...tháng...12...năm 2017

Số: **2601/QĐ-BTC** ngày: **21.../...12.../...2017**

Số thẻ (Certificate No.): **XH17:1709**





BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



Số: **2425/QĐ-BTC** ngày **27/...12/...2018**

Số thẻ (Certificate No.): **...XIII18.1938**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)

Họ, tên (Full name): **Lê Việt Dũng**

Ngày sinh (Date of Birth): **08/08/1989**

Quốc quán/Quốc tịch (Nationality): **Nam Định**

Số CMND/Hộ chiếu (ID/Passport No.): **036089002986**

Ngày cấp (Date of issue): **12/10/2016**

Nơi cấp (Place of issue): **Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**
Hà Nội, ngày...27...tháng...12 năm 2018





BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)

Họ, tên (Full name): **Lê Thị Nga**

Ngày sinh (Date of Birth): **20/03/1989**

Quê quán/Quốc tịch (Nationality): **Thanh Hóa**

Số CMND/Hộ chiếu (ID/Passport No.): **172798206**

Ngày cấp (Date of issue): **01/01/2007**

Nơi cấp (Place of issue): **Công an Thanh Hóa**

Hà Nội, ngày **27** tháng **12** năm **2018**

Số **2425**/QĐ-BTC ngày **27** / **12** / **2018**

Số thẻ (Certificate No.): **XIII18.2012**





BỘ TÀI CHÍNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
MINISTRY OF FINANCE Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)
Số/Number: VIII13.729

Họ, tên/Full Name: Nguyễn Mai Chung
Năm sinh/Year of Birth: 1981
Quê quán/Hometown: Thanh Hóa
Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG
THƯ THƯỞNG
VICT. MINISTER
[Signature]

TRẦN VĂN HIẾU

Quy định sử dụng thẻ

Người có thẻ thẩm định viên về giá:

- Được sử dụng Thẻ để hành nghề thẩm định giá theo quy định của pháp luật.
- Phải giữ gìn cẩn thận, không làm mất, hư hỏng, sửa chữa, tẩy xóa.
- Không được cho thuê, cho mượn hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng tên và Thẻ thẩm định viên về giá của mình để thực hiện các hoạt động thẩm định về giá.
- Không được sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá vào các mục đích khác mà Pháp luật không quy định.

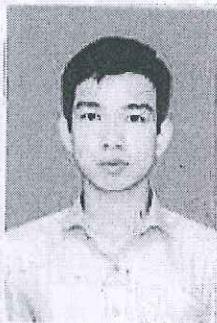
Regulations of use

Rights and obligations of the grantee:

- To use this Certificate in compliance with the law.
- To keep this Certificate with care; it should not be subject to loss, damage, modification or erasure.
- Not to let any organisations (or individuals) use his/her name (and/or this Certificate) illegally for valuation practice.
- Any misuse of this Certificate is strictly prohibited.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



Số: 1499/QĐ-BTC ngày 18/07/2023
Số thẻ (Certificate No.): XV23.2384

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)

Họ, tên (Full name): Phan Văn Đăng
Ngày sinh (Date of Birth): 22/04/1993
Quê quán/Quốc tịch (Nationality): Nghệ An
Số CMND/Hộ chiếu (ID/Passport No.): 187226166
Ngày cấp (Date of issue): 17/10/2018
Nơi cấp (Place of issue): Công an tỉnh Nghệ An

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2023





BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)

Họ, tên (Full name): Hà Thị Xuân Quỳnh

Ngày sinh (Date of Birth): 15/11/1993

Quốc quán/Quốc tịch (Nationality): Quảng Ngãi

Số CMND/Hộ chiếu (ID/Passport No.): 212370372

Ngày cấp (Date of issue): 02/12/2010

Nơi cấp (Place of issue): Công an tỉnh Quảng Ngãi

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2023

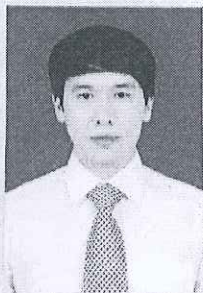
Số: 1499/QĐ-BTC ngày 18/07/2023

Số thẻ (Certificate No.): XV23.2466





BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



Số: **69**/QĐ-BTC ngày **20/01/2015**

Số thẻ (Certificate No.): **IX14.1129**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
(VALUER CERTIFICATE)

Họ, tên (Full name): **TA QUỐC HUY**

Ngày sinh (Date of Birth): **29/10/1989**

Quê quán/Nationality: **Thái Bình**

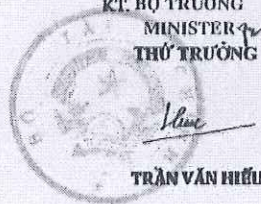
Số CMND/Hộ chiếu (ID/Passport No.): **151735580**

Ngày cấp (Date of issue): **23/06/2004**

Nơi cấp (Place of issue): **CA Tỉnh Thái Bình**

Hà Nội, ngày **20** tháng **01** năm **2015**

KT. BỘ TRƯỞNG
MINISTER
THỦ TRƯỞNG


TRẦN VĂN HIẾU



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1202/2019/HĐLĐ-CALIVA

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bên sử dụng lao động:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**
Địa chỉ : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0106867385
Đại diện : Ông **Lê Minh Tâm**
Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

Người lao động:

Ông/Bà : **ĐỒNG NGỌC ÁNH**
Sinh ngày : 22/11/1989
CMND số : 163036134 cấp ngày: 29/09/2008 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quê quán : Xã Trục Khang, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
HKTT : Xã Trục Khang, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 02 tháng 12 năm 2019.
- Địa điểm làm việc: Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và các địa điểm khác theo yêu cầu của công việc.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên.
- Công việc phải làm: Theo phân công của Ban Giám Đốc.



Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Làm việc toàn thời gian, theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần
 - + Trong tuần làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, nghỉ chủ nhật
 - + Giờ làm việc trong ngày được quy định như sau:
 - Sáng: Từ 08 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút
 - Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- 1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.
- 1.2. Mức lương chính và phụ cấp: Theo thỏa thuận.
- 1.3. Hình thức trả lương: trả trước theo tháng/ theo quý/ Năm tùy theo kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.4. Thời điểm trả lương vào các ngày 10 của tháng kế tiếp, sau khi cá nhân hoàn thành bảng chấm công theo quy định của Công ty.
- 1.5. Tiền thưởng: bao gồm tiền thưởng đạt KPI, thưởng kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.6. Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo quy định của Công ty.
- 1.7. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hằng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.
- 1.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo Quy định của Nhà nước.
- 1.9. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.
- 1.10. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- 1.11. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 37 Bộ Luật Lao động

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- 2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- 2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.

2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, quy định trong Hợp đồng lao động và các chính sách, quy định của Công ty.

2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.

2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Thông báo trước ít nhất 45 ngày trước khi nghỉ việc;
- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

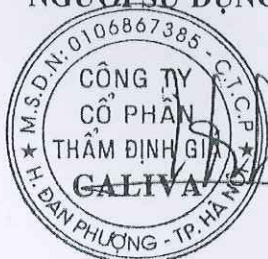
2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc,...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 12 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Minh Tâm

NGƯỜI LAO ĐỘNG

[Signature]
Đồng Ngọc Ánh





**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

Số: 1207/2019/HĐLĐ-CALIVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bên sử dụng lao động:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**
Địa chỉ : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0106867385
Đại diện : Ông **Lê Minh Tâm**
Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

Người lao động:

Ông/Bà : **NGUYỄN MINH NAM**
Sinh ngày : 10/03/1979
CCCD số : 008079000089 cấp ngày: 26/05/2017 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quê quán : Huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
HKTT : 11/560/15, Nguyễn Văn Cừ, tổ 10 Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 07 tháng 12 năm 2019.
- Địa điểm làm việc: Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và các địa điểm khác theo yêu cầu của công việc.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên.
- Công việc phải làm: Theo phân công của Ban Giám Đốc.



Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Làm việc toàn thời gian, theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần
 - + Trong tuần làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, nghỉ chủ nhật
 - + Giờ làm việc trong ngày được quy định như sau:
 - Sáng: Từ 08 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút
 - Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- 1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.
- 1.2. Mức lương chính và phụ cấp: Theo thỏa thuận.
- 1.3. Hình thức trả lương: trả trước theo tháng/ theo quý/ Năm tùy theo kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.4. Thời điểm trả lương vào các ngày 10 của tháng kế tiếp, sau khi cá nhân hoàn thành bảng chấm công theo quy định của Công ty.
- 1.5. Tiền thưởng: bao gồm tiền thưởng đạt KPI, thưởng kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.6. Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo quy định của Công ty.
- 1.7. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hằng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.
- 1.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo Quy định của Nhà nước.
- 1.9. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.
- 1.10. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- 1.11. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 37 Bộ Luật Lao động

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- 2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- 2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.

2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, quy định trong Hợp đồng lao động và các chính sách, quy định của Công ty.

2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.

2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Thông báo trước ít nhất 45 ngày trước khi nghỉ việc;
- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

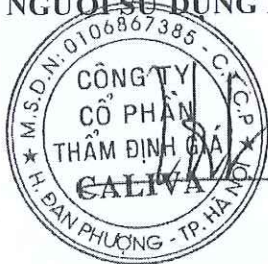
2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc,...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 12 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Minh Tâm

NGƯỜI LAO ĐỘNG

A stylized handwritten signature in black ink.

Nguyễn Minh Nam





**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1208/2019/HDLĐ-CALIVA

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bên sử dụng lao động:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**
Địa chỉ : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0106867385
Đại diện : Ông **Lê Minh Tâm**
Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

Người lao động:

Ông/Bà : **VÕ THỊ THU HÀ**
Sinh ngày : 12/03/1992
CMND số : 187222876 cấp ngày: 13/03/2010 tại: Công an tỉnh Nghệ An
Quê quán : Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
HKTT : Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 07 tháng 12 năm 2019.
- Địa điểm làm việc: Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và các địa điểm khác theo yêu cầu của công việc.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên.
- Công việc phải làm: Theo phân công của Ban Giám Đốc.



Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Làm việc toàn thời gian, theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần
 - + Trong tuần làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, nghỉ chủ nhật
 - + Giờ làm việc trong ngày được quy định như sau:
 - Sáng: Từ 08 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút
 - Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- 1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.
- 1.2. Mức lương chính và phụ cấp: Theo thỏa thuận.
- 1.3. Hình thức trả lương: trả trước theo tháng/ theo quý/ Năm tùy theo kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.4. Thời điểm trả lương vào các ngày 10 của tháng kế tiếp, sau khi cá nhân hoàn thành bảng chấm công theo quy định của Công ty.
- 1.5. Tiền thưởng: bao gồm tiền thưởng đạt KPI, thưởng kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.6. Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo quy định của Công ty.
- 1.7. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hằng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.
- 1.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo Quy định của Nhà nước.
- 1.9. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.
- 1.10. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- 1.11. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 37 Bộ Luật Lao động

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- 2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- 2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.

2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, quy định trong Hợp đồng lao động và các chính sách, quy định của Công ty.

2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.

2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Thông báo trước ít nhất 45 ngày trước khi nghỉ việc;
- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc,...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 12 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Minh Tâm

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hà
Võ Thị Thu Hà





**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

Số: 01/2022/HDLĐ-CALIVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2022

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH

Ngày 22/09/2003 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã Hội)

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2022, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva, chúng tôi gồm có:

Bên sử dụng lao động:

Ông : **NGUYỄN MẠNH CHIẾN** Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ : Giám đốc
Đại diện : Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva
Trụ sở chính : Nhà số 6, Ngõ 45, Đường Kim Ngọc, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người lao động:

Ông : **LÊ VIỆT DŨNG** Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày : 08/08/1989 Tại: Hà Nội
Nghề nghiệp : Chuyên viên thẩm định giá
Địa chỉ thường trú : KĐT Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội
Số CCCD : 036089002986 Cấp ngày: 12/10/2016 Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 01 tháng 06 năm 2022
- Địa điểm làm việc: Tòa nhà The Light, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên



- Công việc phải làm: Thẩm định giá tài sản, tính chính xác và khả thi của hồ sơ, xem xét tính phù hợp của mục đích/phương án vay vốn theo quy định của Ngân hàng...

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Từ 8h00 đến 17h30 các ngày từ thứ hai đến thứ bảy. Ngoài thời gian trên, khi có việc cần thiết thì cơ quan yêu cầu làm thêm giờ, ngày nghỉ.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- 1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.
- 1.2. Mức lương và phụ cấp: Theo lương thỏa thuận.
- 1.3. Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- 1.4. Phụ cấp gồm: Ăn trưa và xăng xe, điện thoại được hưởng theo quy định của Công ty.
- 1.5. Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.
- 1.6. Tiền thưởng: Theo quy định của Công ty.
- 1.7. Chế độ nâng lương: Theo Quy định của Nhà nước và Quy định của Công ty.
- 1.8. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.
- 1.9. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Theo thỏa thuận giữa Ông Lê Việt Dũng và Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva.
- 1.10. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.
- 1.11. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- 2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- 2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.
- 2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, phụ lục Hợp đồng lao động nếu có và các chính sách, quy định của Công ty.
- 2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.
- 2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trước hạn hoặc các trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động trước hạn khác do lỗi của Người lao động thì Người lao động phải bồi thường các chi phí đào tạo mà Công ty đã tài trợ, Chi phí đồng phục (nếu có) và các chi phí khác theo quy định của Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

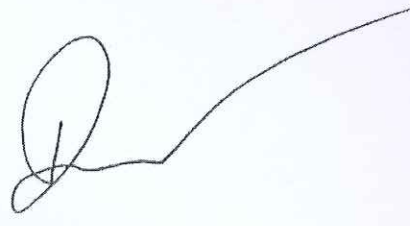
- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 06 năm 2022. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MẠNH CHIẾN

NGƯỜI LAO ĐỘNG


LÊ VIỆT DŨNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

Số: 02/2022/HĐLĐ-CALIVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2022

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH

Ngày 22/09/2003 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã Hội)

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2022, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva, chúng tôi gồm có:

Bên sử dụng lao động:

Ông : **NGUYỄN MẠNH CHIẾN** Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ : Giám đốc
Đại diện : Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva
Trụ sở chính : Nhà số 6, Ngõ 45, Đường Kim Ngọc, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người lao động:

Ông : **LÊ THỊ NGÀ** Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày : 20/03/1989 Tại: Thanh Hóa
Nghề nghiệp : Chuyên viên thẩm định giá
Địa chỉ thường trú : Thọ Thanh, Thường Xuân, Thanh Hóa
Số CCCD : 172798206 Cấp ngày: 01/01/2007 Tại: CA Thanh Hóa

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 01 tháng 06 năm 2022
- Địa điểm làm việc: Tòa nhà The Light, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên



- Công việc phải làm: Thẩm định giá tài sản, tính chính xác và khả thi của hồ sơ, xem xét tính phù hợp của mục đích/phương án vay vốn theo quy định của Ngân hàng...

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Từ 8h00 đến 17h30 các ngày từ thứ hai đến thứ bảy. Ngoài thời gian trên, khi có việc cần thiết thì cơ quan yêu cầu làm thêm giờ, ngày nghỉ.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- 1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.
- 1.2. Mức lương và phụ cấp: **Theo lương thỏa thuận.**
- 1.3. Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- 1.4. Phụ cấp gồm: Ăn trưa và xăng xe, điện thoại được hưởng theo quy định của Công ty.
- 1.5. Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.
- 1.6. Tiền thưởng: Theo quy định của Công ty.
- 1.7. Chế độ nâng lương: Theo Quy định của Nhà nước và Quy định của Công ty.
- 1.8. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.
- 1.9. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Theo thỏa thuận giữa Bà Lê Thị Ngà và Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva.
- 1.10. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.
- 1.11. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- 2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- 2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.
- 2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, phụ lục Hợp đồng lao động nếu có và các chính sách, quy định của Công ty.
- 2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.
- 2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trước hạn hoặc các trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động trước hạn khác do lỗi của Người lao động thì Người lao động phải bồi thường các chi phí đào tạo mà Công ty đã tài trợ, Chi phí đồng phục (nếu có) và các chi phí khác theo quy định của Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

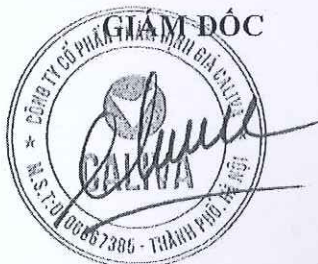
2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 06 năm 2022. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



NGUYỄN MẠNH CHIẾN

NGƯỜI LAO ĐỘNG

LÊ THỊ NGÀ



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0701/2023/HĐLĐ-CALIVA

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2023

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bên sử dụng lao động:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

Địa chỉ : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0106867385

Đại diện : Ông Đồng Ngọc Ánh

Chức vụ : Giám đốc

Người lao động:

Ông/Bà : NGUYỄN MAI CHUNG

Sinh ngày : 08/05/1981

CCCD số : 020081000001 cấp ngày: 16/10/2012 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quê quán : Xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

HKTT : Tổ 49, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2023.
- Địa điểm làm việc: Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và các địa điểm khác theo yêu cầu của công việc.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên.
- Công việc phải làm: Thẩm định giá tài sản và công việc khác theo phân công của Ban Giám Đốc.



Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Làm việc toàn thời gian, theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần
 - + Trong tuần làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, nghỉ chủ nhật
 - + Giờ làm việc trong ngày được quy định như sau:
 - Sáng: Từ 08 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút
 - Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- 1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.
- 1.2. Mức lương chính và phụ cấp: Theo thỏa thuận.
- 1.3. Hình thức trả lương: trả trước theo tháng/ theo quý/ Năm tùy theo kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.4. Thời điểm trả lương vào các ngày 10 của tháng kế tiếp, sau khi cá nhân hoàn thành bảng chấm công theo quy định của Công ty.
- 1.5. Tiền thưởng: bao gồm tiền thưởng đạt KPI, thưởng kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.6. Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo quy định của Công ty.
- 1.7. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hằng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.
- 1.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo Quy định của Nhà nước.
- 1.9. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.
- 1.10. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- 1.11. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 37 Bộ Luật Lao động

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- 2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.

2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.

2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, quy định trong Hợp đồng lao động và các chính sách, quy định của Công ty.

2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.

2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Thông báo trước ít nhất 45 ngày trước khi nghỉ việc;
- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc,...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2023. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

NGƯỜI LAO ĐỘNG



GIÁM ĐỐC
Đông Ngọc Ánh

Trần
Nguyễn Mai Chung





**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

Số: 0401/2024/HĐLĐ-CALIVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2024

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bên sử dụng lao động:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**
Địa chỉ : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0106867385
Đại diện : Ông **Đồng Ngọc Ánh**
Chức vụ : Giám Đốc

Người lao động:

Ông/Bà : **PHAN VĂN ĐỒNG**
Sinh ngày : 22/04/1993
CCCD số : 040093005046 cấp ngày: 01/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quê quán : Xóm 1 xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
HKTT : Xóm 1 xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2024.
- Địa điểm làm việc: Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và các địa điểm khác theo yêu cầu của công việc.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên.
- Công việc phải làm: Theo phân công của Ban Giám Đốc.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Làm việc toàn thời gian, theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần
- + Trong tuần làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, nghỉ chủ nhật
- + Giờ làm việc trong ngày được quy định như sau:

Sáng: Từ 08 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút

Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- 1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.
- 1.2. Mức lương chính và phụ cấp: Theo thỏa thuận.
- 1.3. Hình thức trả lương: trả trước theo tháng tùy theo kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.4. Thời điểm trả lương vào các ngày 10 của tháng kế tiếp, sau khi cá nhân hoàn thành bảng chấm công theo quy định của Công ty.
- 1.5. Tiền thưởng: bao gồm tiền thưởng đạt KPI, thưởng kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.6. Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo quy định của Công ty.
- 1.7. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hằng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.
- 1.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo Quy định của Nhà nước.
- 1.9. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.
- 1.10. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- 1.11. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 37 Bộ Luật Lao động

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- 2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- 2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.

2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, quy định trong Hợp đồng lao động và các chính sách, quy định của Công ty.

2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.

2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Thông báo trước ít nhất 45 ngày trước khi nghỉ việc;
- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc,...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.



- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2024. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



ĐỒNG NGỌC ÁNH

NGƯỜI LAO ĐỘNG

PHAN VĂN ĐỒNG





**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0301/2024/HDLĐ-CALIVA

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bên sử dụng lao động:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**
Địa chỉ : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0106867385
Đại diện : Ông Đồng Ngọc Ánh
Chức vụ : Giám Đốc

Người lao động:

Ông/Bà : **HÒ THỊ XUÂN QUỲNH**
Sinh ngày : 15/11/1993
CCCD số : 051193001651 cấp ngày: 19/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quê quán : Thôn Hà Thành, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi
HKTT : Thôn Hà Thành, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 01 tháng 03 năm 2024.
- Địa điểm làm việc: Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và các địa điểm khác theo yêu cầu của công việc.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên.
- Công việc phải làm: Theo phân công của Ban Giám Đốc.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Làm việc toàn thời gian, theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần

+ Trong tuần làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, nghỉ chủ nhật

+ Giờ làm việc trong ngày được quy định như sau:

Sáng: Từ 08 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút

Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.

1.2. Mức lương chính và phụ cấp: Theo thỏa thuận.

1.3. Hình thức trả lương: trả trước theo tháng/ theo quý/ Năm tùy theo kết quả hoạt động kinh doanh.

1.4. Thời điểm trả lương vào các ngày 10 của tháng kế tiếp, sau khi cá nhân hoàn thành bảng chấm công theo quy định của Công ty.

1.5. Tiền thưởng: bao gồm tiền thưởng đạt KPI, thưởng kết quả hoạt động kinh doanh.

1.6. Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo quy định của Công ty.

1.7. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hằng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.

1.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo Quy định của Nhà nước.

1.9. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.

1.10. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

1.11. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 37 Bộ Luật Lao động

2. Nghĩa vụ:

2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.

2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.

2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.

2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, quy định trong Hợp đồng lao động và các chính sách, quy định của Công ty.

2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.

2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Thông báo trước ít nhất 45 ngày trước khi nghỉ việc;
- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

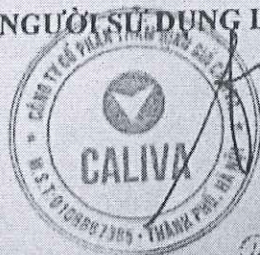
2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc,...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2024. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



GIÁM ĐỐC

Đông Ngọc Anh

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hồ Thị Xuân Quỳnh

CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0401.01/2024/PLHDLĐ-CALIVA

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2024

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bên sử dụng lao động:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA
Địa chỉ : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0106867385
Đại diện : Ông Đồng Ngọc Ánh
Chức vụ : Giám Đốc

Người lao động:

Ông/Bà : HỒ THỊ XUÂN QUỲNH
Sinh ngày : 15/11/1993
CCCD số : 051193001651 cấp ngày: 19/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quê quán : Thôn Hà Thành, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi
HKTT : Thôn Hà Thành, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Hợp đồng lao động số 0301/2024/HDLĐ-CALIVA ngày 01 tháng 03 năm 2024 và nhu cầu sử dụng lao động. Hai bên cùng nhau thỏa thuận bổ sung một số nội dung của hợp đồng mà hai bên đã ký kết như sau:

1. Nội dung thay đổi:

Bổ sung công việc phải làm của Thẩm định viên đã nêu tại Điều 1 của Hợp đồng lao động số 0301/2024/HDLĐ-CALIVA ngày 01 tháng 03 năm 2024 như sau:

Công việc phải làm:

- Thẩm định giá tài sản/thẩm định giá doanh nghiệp;
- Tìm kiếm dữ liệu, thông tin khối tài sản thẩm định;
- Thực hiện các báo cáo, lập kế hoạch về định giá và đề xuất giải pháp;



- Khảo sát thực tế;
- Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

2. Thời gian thực hiện:

Những điều khoản thay đổi được ghi tại Điều 1 của Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/04/2024.

Phụ lục này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng lao động số 0301/2024/HĐLD-CALIVA ngày 01 tháng 03 năm 2024, được làm thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau.

Mỗi bên giữ 01 (một) bản và là cơ sở để giải quyết khi có tranh chấp lao động/.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



GIÁM ĐỐC

Đông Ngọc Anh

NGƯỜI LAO ĐỘNG

[Signature]
Hồ Thị Xuân Quỳnh





**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 241101.01/HĐLĐ-CALIVA

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2024

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bên sử dụng lao động:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ CALIVA**
Địa chỉ : Nhà số 6 ngõ 45 đường Kim Ngọc, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0106867385
Đại diện : Ông Đồng Ngọc Ánh
Chức vụ : Giám đốc

Người lao động:

Ông/Bà : **TẠ QUỐC HUY**
Sinh ngày : 29/10/1989
CCCD số : 034089002344 cấp ngày: 10/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quê quán : Thụy Hải, Thái Thụy, Thái Bình
HKTT : Căn hộ DV02-1411, tòa DV02, Rose Town, Km9, Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn.
- Thời điểm bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.
- Địa điểm làm việc: Công ty CP Thẩm định giá Caliva – CN Miền Trung, Địa chỉ: 44 Phan Đình Phùng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và các địa điểm khác theo yêu cầu của công việc.
- Chức danh chuyên môn: Thẩm định viên.

- Công việc phải làm: Thẩm định giá tài sản/thẩm định giá doanh nghiệp; Tìm kiếm dữ liệu, thông tin khối tài sản thẩm định; Thực hiện các báo cáo, lập kế hoạch về định giá và đề xuất giải pháp; Khảo sát thực tế; Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định...

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Làm việc toàn thời gian, theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần
 - + Trong tuần làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, nghỉ chủ nhật
 - + Giờ làm việc trong ngày được quy định như sau:

Sáng: Từ 08 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút

Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các thiết bị văn phòng theo yêu cầu công việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- 1.1. Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.
- 1.2. Mức lương chính và phụ cấp: Theo thỏa thuận.
- 1.3. Hình thức trả lương: trả theo tháng.
- 1.4. Thời điểm trả lương vào các ngày 10 của tháng kế tiếp, sau khi cá nhân hoàn thành bảng chấm công theo quy định của Công ty.
- 1.5. Tiền thưởng: bao gồm tiền thưởng đạt KPI, thưởng kết quả hoạt động kinh doanh.
- 1.6. Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo quy định của Công ty.
- 1.7. Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hằng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo Quy định của Luật lao động và theo Chính sách của Công ty.
- 1.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Được hưởng BHXH, BHYT, BHTN theo Quy định của Nhà nước.
- 1.9. Chế độ đào tạo: Theo Chính sách đào tạo của Công ty.
- 1.10. Những quyền lợi khác: Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- 1.11. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 37 Bộ Luật Lao động

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- 2.2. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động, các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể. Tuân thủ quy trình, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước và Công ty.

2.3. Bồi thường vi phạm và vật chất: Bồi thường tài sản nếu làm hư hỏng, làm mất tài sản của Công ty theo Quy định của Nhà nước và các Quy chế, nội quy lao động của Công ty.

2.4. Chấp hành quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động, quy định trong Hợp đồng lao động và các chính sách, quy định của Công ty.

2.5. Người lao động có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trong thời gian làm việc theo Hợp đồng lao động này.

2.6. Trường hợp Người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động:

- Thông báo trước ít nhất 45 ngày trước khi nghỉ việc;
- Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Người lao động có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản tài chính có liên quan, thanh toán tất cả các khoản nợ có liên quan còn tồn đọng, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, công việc được giao cho người tiếp nhận do lãnh đạo đơn vị chỉ định trong thời hạn quy định của Công ty.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.
- Tạo điều kiện có thể cho người lao động làm việc, phát triển phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ nhiệm, điều chuyển, tạm ngừng việc,...)
- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2024. Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



GIÁM ĐỐC

Đông Ngọc Ánh

NGƯỜI LAO ĐỘNG

TẠ QUỐC HUY



Phần 4

Hồ sơ, thông tin về Cơ sở dữ liệu về giá (CSDLG)

- Thời điểm bắt đầu xây dựng CSDLG: Năm 2021
- Các nội dung trong CSDLG: Vị trí, thời điểm giao dịch, giá rao bán, giá giao dịch thành công, giá do sàn BĐS cung cấp, tham khảo Công ty BĐS khác...
- Dữ liệu đầu vào, đầu ra: Cập nhật thông tin thường xuyên và được giám sát bởi bộ phận công nghệ thông tin và bộ phận kiểm soát của Công ty.
- Quy trình cập nhật CSDLG theo quy định của Công ty, kiểm tra lại thông tin từ nhiều nguồn trước khi nhập CSDLG do bộ phận công nghệ thông tin của Công ty thực hiện.
- Các yếu tố để xây dựng CSDLG: Giá rao bán, giá giao dịch thành công, giá do sàn BĐS cung cấp, tham khảo công ty TĐG khác, mô hình thẩm định giá và các nguồn thông tin khác nhau.
- Định kỳ cập nhật CSDLG: Trong 2 năm trở lại đây do tình hình bất động sản biến động thất thường nên Công ty thực hiện việc cập nhật CSDLG theo định kỳ là 1tháng/1lần chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản.

Phần 5

Hồ sơ, thông tin về quy trình thẩm định giá và yêu cầu về Chứng thư thẩm định giá tài sản

I. Quy trình định giá và yêu cầu về chứng thư thẩm định giá tài sản

Bước 1: Xác định tổng quát về tài sản cần thẩm định giá và xác định giá trị thị trường hoặc phi thị trường làm cơ sở thẩm định giá

- a) Xác định các đặc điểm cơ bản về pháp lý, kinh tế - kỹ thuật của tài sản cần thẩm định giá.
- b) Xác định đối tượng sử dụng kết quả thẩm định giá: Đối tượng sử dụng kết quả thẩm định giá là khách hàng thẩm định giá và bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá (nếu có) theo hợp đồng thẩm định giá đã ký kết.
- c) Xác định mục đích thẩm định giá và thời điểm thẩm định giá.
- d) Xác định cơ sở giá trị của thẩm định giá: Giá trị thị trường hay giá trị phi thị trường.
- e) Xác định giả thiết và giả thiết đặc biệt (nếu có): Các giả thiết và giả thiết đặc biệt cần được thuyết minh rõ tại báo cáo kết quả thẩm định giá theo quy định tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 06 - Báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá và hồ sơ thẩm định giá.

Bước 2: Lập kế hoạch thẩm định giá

- Xác định mục tiêu, yêu cầu, phạm vi và nội dung công việc.
- Xác định phương thức, cách thức tiến hành thẩm định giá.
- Xác định dữ liệu cần thiết cho cuộc thẩm định giá, các tài liệu cần thu thập về thị trường, tài sản thẩm định giá, tài sản so sánh.
- Xác định và phát triển các nguồn tài liệu, đảm bảo nguồn tài liệu đáng tin cậy và phải được kiểm chứng: Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu về tài sản cần thẩm định giá.
- Xây dựng tiến độ thực hiện, xác định trình tự thu thập và phân tích dữ liệu, thời hạn cho phép của trình tự phải thực hiện.
- Xác định việc tổ chức thực hiện, phân bổ nguồn lực: Lập phương án phân công thẩm định viên và các cán bộ trợ giúp thực hiện yêu cầu thẩm định giá của khách hàng, đảm bảo việc áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp.
- Xác định nội dung công việc cần thuê chuyên gia tư vấn (nếu có).

Bước 3: Khảo sát thực tế, thu thập thông tin

Tiến hành thẩm định hiện trạng của tài sản (nếu có); thu thập thông tin, phục vụ cho quá trình thẩm định giá bao gồm: thông tin do khách hàng cung cấp; thông tin từ kết quả khảo sát thực tế; thông tin từ các giao dịch mua bán tài sản trên thị trường;....; đồng thời kiểm chứng thông tin để bảo đảm độ tin cậy, chính xác trước khi đưa vào phân tích thông tin, áp dụng các cách

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

tiếp cận và phương pháp thẩm định giá. Đối với những tài liệu do khách hàng cung cấp, nếu phát hiện nội dung tài liệu, hồ sơ không hoàn chỉnh không đầy đủ hoặc có nghi vấn phải kịp thời yêu cầu khách hàng bổ sung đầy đủ hoặc xác minh, làm rõ.

- Đối với máy móc, thiết bị: Khảo sát và thu thập số liệu về chỉ tiêu và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, đặc điểm dây chuyền công nghệ, nhà sản xuất, xuất xứ, nhãn hiệu, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, công suất, quy mô, kích thước, chất liệu, mức độ hao mòn và các đặc điểm khác ảnh hưởng đến giá trị của tài sản thẩm định giá và các tài sản so sánh (nếu có). Ngoài ra, cần thu thập thêm các thông tin về tình hình tiêu thụ, phân phối trên thị trường (bán rộng rãi, độc quyền phân phối hoặc hình thức khác).

- Đối với bất động sản: Khảo sát và thu thập số liệu về vị trí thực tế của bất động sản, so sánh với vị trí của các bất động sản khác trong cùng khu vực, mô tả các đặc điểm pháp lý liên quan đến bất động sản; diện tích đất và công trình kiến trúc gắn liền với đất; đặc điểm hình học của bất động sản; loại hình kiến trúc, vật liệu xây dựng công trình; thời điểm hoàn thành và thời điểm đưa vào sử dụng công trình, tuổi đời, tình trạng sửa chữa và bảo trì; kết cấu hạ tầng (cấp và thoát nước, viễn thông, điện, đường, khu để xe và các yếu tố khác); cảnh quan, môi trường xung quanh; mục đích sử dụng tại thời điểm thẩm định giá; các số liệu về kinh tế - xã hội, môi trường, quy hoạch và những yếu tố khác có tác động đến giá trị của bất động sản, những đặc trưng của thị trường bất động sản để nhận biết sự khác nhau giữa khu vực có tài sản thẩm định giá và khu vực lân cận; các thông tin về những yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến mục đích sử dụng của tài sản (địa chất, bản đồ địa chính, quy hoạch, biên giới hành chính, kết cấu hạ tầng và các yếu tố khác).

- Đối với doanh nghiệp: Khảo sát và thu thập số liệu về ngành nghề kinh doanh, vị trí kinh doanh trong ngành (nếu có), thành viên góp vốn, năng lực quản trị, quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng và nhà cung cấp; các khoản doanh thu và chi phí của doanh nghiệp; hiện trạng về tài sản, tổng giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định giá; môi trường kinh tế, môi trường chính trị, môi trường khoa học - công nghệ, các đơn vị cạnh tranh, cơ chế quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp; các thông tin khác ảnh hưởng tới giá trị của doanh nghiệp.

- Đối với tài sản tài chính: Khảo sát thu thập thông tin về thị trường, thu nhập từ tài sản tài chính mang lại, quyền lợi và lợi ích có được từ việc nắm giữ tài sản, tính thanh khoản của tài sản tài chính. Đối với từng loại tài sản tài chính cụ thể, thẩm định viên thu thập số liệu về các chỉ số đánh giá có thể áp dụng với loại tài sản tài chính cụ thể cũng như các đặc điểm khác ảnh hưởng tới giá trị của tài sản tài chính.

Ngoài ra, phải thu thập các thông tin liên quan đến tính pháp lý của tài sản; các thông tin liên quan đến chi phí, giá bán, lãi suất, chính sách thuế, thu nhập, các điều kiện giao dịch của tài sản thẩm định giá và tài sản so sánh (nếu có); các thông tin về yếu tố cung - cầu, lực lượng tham gia thị trường, sở thích và động thái người mua - người bán tiềm năng, tình hình lạm phát, các chỉ số giá đối với nhóm tài sản cụ thể (nếu có).

Bước 4: Phân tích thông tin

Là quá trình phân tích toàn bộ các thông tin thu thập được liên quan đến tài sản thẩm định giá và các tài sản so sánh để đánh giá tác động của các yếu tố đến kết quả thẩm định giá cuối cùng.

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

Cụ thể:

- a) Phân tích những thông tin về đặc điểm của tài sản (pháp lý, kinh tế - kỹ thuật).
- b) Phân tích những thông tin về thị trường của tài sản thẩm định giá: cung- cầu; sự thay đổi của chính sách, pháp luật; sự phát triển của khoa học, công nghệ và các yếu tố khác.
- c) Phân tích về việc sử dụng tài sản tốt nhất và có hiệu quả nhất.

Bước 5: Xác định giá trị tài sản cần thẩm định giá

Căn cứ các cách tiếp cận thẩm định giá quy định tại các Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, thẩm định viên phân tích và lựa chọn các phương pháp thẩm định giá phù hợp với mục đích thẩm định giá, cơ sở giá trị của tài sản, mức độ sẵn có của các dữ liệu, thông tin để áp dụng các phương pháp thẩm định giá và phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan (nếu có).

Thẩm định viên áp dụng từ 02 phương pháp thẩm định giá trở lên đối với một tài sản thẩm định giá để đối chiếu kết quả và kết luận chính xác về kết quả thẩm định giá trừ trường hợp thực hiện theo quy định khác của pháp luật chuyên ngành. Khi áp dụng nhiều phương pháp thẩm định giá, thẩm định viên cần đánh giá và chỉ rõ phương pháp thẩm định giá nào là phương pháp thẩm định giá chính, phương pháp thẩm định giá nào được sử dụng để kiểm tra, đối chiếu, từ đó phân tích, tính toán để đi đến kết luận cuối cùng về kết quả thẩm định giá. Trong trường hợp sử dụng phương pháp so sánh nhưng chỉ có 02 (hai) tài sản so sánh thì kết quả thẩm định giá của phương pháp so sánh chỉ được dùng để kiểm tra, đối chiếu với kết quả thẩm định giá có được từ các phương pháp thẩm định giá khác.

Thẩm định viên được sử dụng 01 (một) phương pháp thẩm định giá trong các trường hợp:

- Áp dụng phương pháp so sánh khi có nhiều số liệu từ các giao dịch (tối thiểu 03 giao dịch) của các tài sản so sánh trên thị trường gần thời điểm thẩm định giá.
- Không có đủ thông tin để áp dụng 02 (hai) phương pháp thẩm định giá trở lên và đưa ra căn cứ thực tế chứng minh cho việc không thể khắc phục được những hạn chế về thông tin này.

Bước 6: Lập báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá và gửi cho khách hàng, các bên liên quan

- Báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá được lập theo quy định tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 06- Báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá và hồ sơ thẩm định giá.
- Xác định thời điểm bắt đầu có hiệu lực của chứng thư thẩm định giá: Thời điểm có hiệu lực của chứng thư thẩm định giá là ngày, tháng, năm ban hành chứng thư thẩm định giá.
- Xác định thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá:

Thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá được xác định trên cơ sở đặc điểm pháp lý, kinh tế - kỹ thuật của tài sản thẩm định giá; biến động về pháp lý, thị trường liên quan đến tài sản thẩm định giá và mục đích thẩm định giá nhưng tối đa không quá 6 (sáu) tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực.

Hồ sơ giới thiệu năng lực và đề xuất

Cung cấp dịch vụ Thẩm định giá

Bước 7: Toàn bộ các hồ sơ pháp lý, báo cáo chứng thư gửi qua bộ phận Kiểm soát nội bộ lại hồ sơ trước khi trình Ban Giám đốc ký phát hành.

Bước 8: Báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá sau khi được ký phát hành theo đúng quy định của pháp luật được chuyển cho khách hàng và bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá (nếu có) và Thanh lý theo hợp đồng thẩm định giá đã được ký kết.

II. Hệ thống kiểm soát nội bộ

Trong quá trình định giá, Công ty có thành lập Ban Kiểm soát độc lập do ông Lê Việt Dũng - Trưởng ban và bao gồm 02 thành viên. Ban Kiểm soát độc lập theo dõi hoạt động thẩm định giá cả trước và sau khi phát hành chứng thư thẩm định giá nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn thẩm định giá do Cục quản lý giá - Bộ Tài chính ban hành. Kết quả kiểm soát của từng hồ sơ được báo cáo lên Ban Giám đốc trước khi phát hành chứng thư thẩm định giá và tổng kết các ưu khuyết điểm trong quá trình hoạt động thẩm định giá được báo cáo trong cuộc họp cuối mỗi quý định kỳ của Phòng thẩm định giá. Quá trình kiểm soát độc lập chứng thư thẩm định giá:

Bước 1: Kiểm soát giá trị tài sản thẩm định

Thông báo giá sơ bộ của tài sản khi gửi khách hàng gửi kèm cho Ban Kiểm soát theo dõi giá trị tài sản. Đối chiếu cơ sở dữ liệu của công ty, ban Kiểm soát phát hiện chênh lệch giá trị tài sản tiến hành yêu cầu chuyên viên thực hiện cung cấp hồ sơ tài sản, báo cáo thẩm định giá thực hiện kiểm tra ngay lập tức, báo cáo Ban Giám đốc phương án giải quyết.

Bước 2: Kiểm soát hồ sơ kết quả thẩm định giá

Đối với các hồ sơ tài sản ra kết quả, thực hiện kiểm tra hồ sơ tài sản, báo cáo, chứng thư thẩm định giá trước khi trình Ban Giám đốc phát hành hồ sơ thẩm định giá.

Bước 3: Cập nhật thông tin tài sản, pháp luật, quy trình thẩm định giá

Sau khi phát hành chứng thư thẩm định giá, kiểm soát hoạt động lưu trữ hồ sơ thẩm định giá. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát phụ trách cập nhật thông tin, quy định pháp luật vào cơ sở dữ liệu.

Tại các cuộc họp giao ban Phòng thẩm định giá, báo cáo hoạt động kiểm soát trong Quý vừa qua và đề xuất phương hướng khắc phục các khuyết điểm dưới sự góp ý của chuyên viên và thông qua sự đồng ý của Ban Giám đốc.

Phần 6***Hồ sơ, thông tin về thời gian và mức phí thẩm định giá***

Thông tin về mức phí thẩm định giá tài sản áp dụng cho năm 2025 -2026:

| TT | Loại tài sản | Thẩm định lần đầu | | Thẩm định lại | |
|----|---|-------------------|-----------------|-------------------|--------------------------------|
| | | Thời gian (ngày) | Mức phí (VNĐ/%) | Thời gian (ngày) | Mức phí (VNĐ/%) |
| 1 | BDS là nhà phố (bao gồm quyền sử dụng đất và nhà) | 3-5 ngày làm việc | 0,05% - 0,25% | 1-3 ngày làm việc | Bằng 50% phí thẩm định lần đầu |
| 2 | BDS khác | 3-5 ngày làm việc | 0,05% - 0,25% | 1-3 ngày làm việc | Bằng 50% phí thẩm định lần đầu |
| 3 | Máy móc thiết bị | 3-5 ngày làm việc | 0,05% - 0,25% | 1-3 ngày làm việc | Bằng 50% phí thẩm định lần đầu |
| 4 | Tài sản khác | 3-5 ngày làm việc | 0,05% - 0,25% | 1-3 ngày làm việc | Bằng 50% phí thẩm định lần đầu |
| 5 | ... | | | | |

Ưu tiên hàng đầu của chúng tôi là cung cấp dịch vụ có chất lượng cao được tổ chức tốt, có hiệu quả, tiết kiệm chi phí và trên hết là đáp ứng được nhu cầu của Quý Đơn vị. Mức phí của cuộc thẩm định giá này được dựa trên khối lượng, mức độ phức tạp của nội dung công việc thẩm định giá, thời gian và trình độ kỹ thuật mà từng thành viên của nhóm thẩm định giá cần để thực hiện công việc, cũng như kinh nghiệm mà chúng tôi đã tích lũy trong những cuộc thẩm định giá cho nhiều đơn vị tại Việt Nam.

Với kinh nghiệm thực hiện tại rất nhiều các đơn vị, chúng tôi có thể tiết kiệm chi phí mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất.